

TRIẾT HỌC NHÂN BẢN

Hay

NGUỒN NĂNG LỰC CỦA TRÍ THỂ

Gồm:	Cao Đài Triết Học Nhân Bản	-1978
	Nhân Diện	-1978
	Thể Tính Học	-1981
	Đạo Lý Áp Dụng	-1983

Nhà Xuất Bản Cao Hiên Hải Ngoại

2008

LỜI NÓI ĐẦU

Bộ sách này đã có nội dung từ cuối thập niên 1970 khi tác giả đã phải ra đi về vùng kinh tế mới theo kế hoạch chấn dân của nhà nước xã hội chủ nghĩa, những kẻ xâm lược từ miền Bắc vào. Tác giả đã là nạn nhân của thời cuộc loạn ly đó, phải chịu cảnh vợ đại con đông, chân lấm tay bùn nơi miền quê Bà Rịa, khi phải bỏ nhà tại Sài Gòn ra đi, căn nhà gỗ nơi đã là tổ ấm của gia đình bấy lâu nay, tuy nhỏ bé nhưng vẫn cưu mang một sứ mạng từ niên thiếu, nguyện theo đuổi sự nghiệp tu thân hành đạo cho đến buổi lìa đời.

Thế nên cuốn sách này là dư hương còn giữ lại được cho tới ngày ra đi đoàn tụ với các con tại Úc châu năm 1995, nơi mà không khí tự do dân chủ tràn ngập, đã làm tôi nhớ lại những ngày tháng trước tháng 4 năm 1975 khi xuất bản cuốn Bản Thử Luận tại Sài Gòn.

Tác giả đã duyệt lại bản thảo sách này nhiều lần với một tinh thần hoài cảm tốt độ, và vui mừng khi cuốn sách này là những dòng tư tưởng đang dâng trào trong tâm khảm, được nung sôi vì một niềm chánh tín từ một Tiềm Lực Thiên Nhiên đã khai thị nơi tác giả. Tác phẩm này đã được tu chỉnh và bổ túc cho thích nghi với hoàn cảnh nhân tâm thế đạo mà không bày biện gì khác hơn theo tinh thần khai sáng buổi ban đầu.

Tác phẩm này cũng là một phần hổ tương cho hai tác phẩm trước, Bản Thử Luận tái bản lần 1 tại Úc châu, và Lý Thuyết Tổng Hợp xuất bản năm 1971 tại Sài Gòn. Cả hai tác phẩm trên hiện có thể truy cập tại www.caodai.online

Mong chư tôn đức giả lưu ý cho.

Viết tại Melbourne, một ngày đông lạnh tháng 8 năm 2008.

CAO ĐÀI TRIẾT HỌC NHÂN BẢN

(VỀ SỬ HỌC – KHOA HỌC – XÃ HỘI HỌC –
CHÍNH TRỊ HỌC – TRIẾT HỌC – ĐẠO HỌC,
DƯỚI TẦM NHÌN CỦA CÁC NHÀ TRÍ THỨC
QUỐC TẾ)

CAO HIÊN 1978

LỜI MỞ ĐẦU

CAO ĐÀI TRIẾT HỌC DƯỚI CÁI NHÌN CỦA CÁC NHÀ HỌC GIẢ QUỐC TẾ

Nói đến Cao Đài giáo tức là nói đến một hiện tượng tín ngưỡng mới xuất hiện từ đầu thập niên 1920, tại nước Việt Nam với lịch sử hơn 4000 năm văn hiến này. Lẽ cố nhiên trong tầm nhận định đương thời không thể nào thấu triệt được phần thâm sâu của giáo lý, nếu không sống cái sống của nguồn tín ngưỡng tân kỳ này.

Một sự thật phũ phàng rằng chính người tín hữu Cao Đài cũng không thể hiểu được phần nào giáo lý căn bản của tôn giáo mình, chưa kể phần đạo học sâu xa của nó, thì dù có cố cách mấy cũng không làm sao biết được nếu không có những thực nghiệm tâm linh qua sự giáo hóa mẫu nhiệm của Vô Hình, bởi lẽ chưa có tác phẩm nào nói lên được điều căn bản đó.

Như thế thì bảo sao người ngoại cuộc không khỏi thắc mắc khi bước vào ngưỡng cửa của một Thánh Thất Cao Đài, và làm thế nào họ có thể thấu hiểu được những lời Thánh ngôn kia, khi đã quá cô động trong từ ngữ và quá kín nhiệm trong huyền vi đạo pháp.

Là một tín hữu từ buổi thơ ấu đến nay, tuy tuổi đời không quá tuổi đạo, nhưng tôi không thể không cố công tìm hiểu những gì đã khiến tôi thắc mắc về nền Đạo từ khi lập giáo đến nay. Nhiều cơ may đã đến với tôi trong những lần nhận diện được một di tích lịch sử quý báu hay trong những lần tiếp xúc với các nhà Khai đạo buổi ban đầu, tôi đã thu lượm được những hiểu biết tuy đơn sơ nhưng không kém phần độc đáo về diễn tiến nền Đạo qua những hiện

tượng ban đầu, cũng như qua phần nhân chứng lịch sử mà nếu tôi chậm trễ đi một thời gian, chỉ vài năm thôi, thì không sao tìm gặp được.

Thêm vào đó, cuộc đời thiếu niên nơi cửa đạo, hành sự với tư cách đồng tử phò loan trong bộ phận Hiệp Thiên Đài của Hội Thánh Truyền Giáo (đương thời là Cơ Quan Truyền Giáo Trung Bộ, trụ sở tại Thánh Thất Trung An, Quảng Nam trong thời chiến tranh 1945-1955), tôi đã hân hạnh được Ôn Trên ban những huyền diệu tận mắt, tận tai và cả trong tâm khảm từ 1947 tới nay, để nhận biết sự hiện hữu của Đấng Thượng Đế Chúa Tể Vũ Trụ tá danh Cao Đài, và tôi vẫn sống trong tinh thần xây dựng đã có không dám sai ngoa dù cuộc đời đã kéo lê theo những ngã đường khác nhau, dọc theo thời ly loạn của đất nước.

Từ 1950, trải qua bao nguy nan khi nhà nước cộng sản truy nã vì là một đồng tử tại Hội Thánh đã không thêm trình diện công an từ năm 1949, tôi thoát ly về vùng tự do, sinh sống tại Sài Gòn, tiếp tục việc học rồi hành nghề dạy học tại đây. Tôi đã có những lần hội kiến với các nhà trí thức quốc tế, tôi đã đối diện với họ qua những lần hội kiến trong những năm 1969-1970 với những câu hỏi mà họ gọi là “không phải dễ dàng giải đáp” nhưng đối với tôi thì không mấy trở ngại.

Tuy nhiên cho đến nay, dù đã có 15 tác phẩm vừa tôn giáo vừa triết học, tôi vẫn thấy có những điểm theo giáo lý Cao Đài mà các nhà trí thức quốc tế đã đề cập tới vì không đúng với quan điểm của họ, bởi lẽ các nhà trí thức quốc tế đã sanh ra và lớn lên trong một hoàn cảnh thế giới xô bồ trắng đen lẫn lộn, nhưng vẫn tìm được vị trí của mình dưới ánh mặt trời và trưởng thành từ ấy đến nay, mặc dù chưa đến thời kỳ được khai thông đầy đủ.

Trong những lần khởi thảo những bài giáo lý cho sách Tổng Quan Cao Đài Giáo tại Thánh Thất Trung Minh, tôi đã gặp các bạn thanh niên có ý tìm hiểu qua tôi về căn bản của nền triết học Cao Đài. Các bạn thanh niên muốn biết theo phương pháp giảng tập đại học, nên tôi đã không ngần ngại san sẻ cho họ những kiến thức mà tôi tìm hiểu được xuyên qua các giai đoạn lịch sử đến nay, thêm vào là ân điển của Ôn Trên được khải ngộ qua chính bản thân mình. Tôi đã làm công việc này làm lụi như một người cầm ngọn đèn leo lét đi trong đêm mưa gió, khúc đường tôi đi thật lầy lội, tôi mò mẫm dù không một vết chân nào đi trước để lại, khiến tôi thật ái ngại, nhưng không vì đó mà tôi chùn bước. Tuy nhiên, với bầu nhiệt huyết và tự tin, tôi vẫn phải dẫn bước trên con đường chông gai kia, với ngọn đèn trong tay, mưu mang nó với hy vọng mình có thể giúp cho những người đi sau một phần ánh sáng tuy yếu ớt nhưng không kém phần sáng tạo, vì ngọn đèn này là phản ánh của một phần triết học của một nền Tân giáo.

Tuy nhiên đã có dư luận cho rằng tôi muốn tạo nên một môn phái cho riêng mình khi tôi hướng dẫn các thanh niên về những khái niệm đạo học, triết học quá mới mẻ, để các buổi thuyết giảng phải chấm dứt nửa chừng, bởi do một số chức sắc không hiểu việc tôi làm, bài tôi viết, hay có khi ngay cả những kiến thức này cũng mới mẻ lạ lẫm đối với họ. Đây không phải là việc tôi tự quyết mà vì các bạn thanh niên muốn tìm đến tôi học hỏi trong khi các chức sắc lớn tuổi thì chẳng mấy tha thiết. Do đó, việc tiếp tục các đề mục trong sách này cho đến khi kết thúc là một cố gắng hết sức mình để vượt lên qua những phong ba của thời cuộc và cả ngay trong lòng nhà Đạo.

Thế nên, trước sự đòi hỏi trong việc tu học của các bạn thanh niên, thật tôi xem mình như một kẻ dẫn đường, đi con đường phải đi, bước những bước phải bước, vì nếu mình bỏ dở thì ngọn đèn triết học kia sẽ tắt ngúm, làm sao tránh được việc kẻ hậu sinh Cao Đài cứ phải đi vay mượn lý thuyết nơi các cựu giáo?

Những sự việc, nhân vật mà tôi trình bày sau đây, có thể đại diện cho cả một tinh thần nhân loại đã có từ xưa nay. Họ là những người có trách nhiệm khai mở con đường tấn hóa cho nhân loại đi, dù con đường ấy đã dẫn nhân loại đến nơi nào thì ta cũng không cần bàn đến, bởi việc xảy ra ở đời đều có ý nghĩa của nó, gắn liền với cách sống của từng cá nhân, tập thể... mà ta không hiểu vì ta chưa thấu cơ sự xảy ra mà thôi.

Các bạn thanh niên sẽ thấy sau đây những gì mà người tín hữu Cao Đài phải cố tâm tìm hiểu để dọn mình tinh tấn mà có thể hội kiến một cách tao nhã với các thành phần thức giả trong xã hội ngày nay. Các cuộc gặp gỡ này phải có tác dụng xây dựng giữa ta với người, giữa tôn giáo với tôn giáo, không để có sự ngộ nhận sai lạc hay thiếu sót nào, nhằm góp phần xiển dương Chánh pháp Cao Đài mà không hề bị dao động bởi các giáo thuyết nơi cựu giáo.

Theo trình tự, tôi chia các phần tìm hiểu sau đây thành 6 vấn đề theo thứ tự:

- Cao Đài giáo dưới cái nhìn của nhà sử học.
- Cao Đài giáo dưới cái nhìn của nhà khoa học.
- Cao Đài giáo dưới cái nhìn của nhà xã hội học.
- Cao Đài giáo dưới cái nhìn của nhà chính trị học.
- Cao Đài giáo dưới cái nhìn của nhà triết học.
- Cao Đài giáo dưới cái nhìn của nhà đạo học.

Tôi tuân tự trình bày như thế để cho vấn đề được khai mở liên tục theo trình tự khai hóa của con người hiện đại, tuy nguồn gốc khác nhau, nhưng cũng từ tư tưởng luận lý nhân bản mà ra, trình tự này không thể xáo trộn hay làm ngược lại. Đây là công việc sắp xếp sự giảng giải theo đòi hỏi cấp thời của các bạn thanh niên khi họ muốn tìm hiểu về nền triết học Cao Đài mà tôi là người khai diễn nó ra đầu tiên, nhưng không thể cho các bạn ấy đi ngay vào trọng tâm của vấn đề mà phải bắt đầu dẫn nhập qua các tiền đề như trên mới mong khỏi bị vướng mắc những chướng ngại từ tâm giới mà ra, vả lại, cũng theo yêu cầu của các bạn thanh niên muốn trình bày theo dàn bài tham luận kiểu đại học.

Ngót ba mươi năm trên đường sưu tầm nguyên căn nền Chánh pháp, dù hoàn cảnh đất nước loạn ly, tôi vẫn giữ được trạng thái kính cẩn của tâm tư để được gọi nhuan ân điển Thiêng Liêng khải thị từng khi, đôi lúc chỉ mình tôi biết, để sẽ làm nhịp cầu tri ngộ giữa tôi và các thế hệ mai sau trước một đại cuộc đang chuyển mình theo đà tiến hóa của nhân loại mà chỉ một số ít người có duyên may lãnh hội. Mà tôn giáo nào lại chẳng do những nhân thân được thấm nhuần nguồn cội chánh pháp từ buổi khai nguyên để từ đó đã có những sự quảng truyền từ ngàn xưa kia mà?

Và chẳng, một cuộc cách mạng xã hội không phải là những hành động đầy sắt máu nếu không có những cá nhân bị ám ảnh trước những thế lực thần thánh hóa một khi có sự hậu thuẫn từ quần chúng vì một lý do gì. Do đó mới có một Robespierre đã tuyên bố trước cái chết của nhà bác học Lavoisier: "Nước Pháp cách mạng không cần có nhà khoa học!", làm phá sản công cuộc Cách mạng Dân chủ Pháp năm 1789 - cho dù cuộc Cách mạng ấy không phải không đúng với chuyển biến tư tưởng của con người vào thời đại mà ngục Bastille dưới thời vua Louis XVI đã tạo nên ngày 14 tháng 7 theo Thiên Chúa giáo - mà các nhà cách mạng đương thời đã xóa bỏ đi để thay vào một danh hiệu mới làm cái mốc của sự sụp đổ đế quyền tại Âu châu, nếu không muốn nói là trên thế giới như nhận định của mà các nhà sử học.

Lịch sử nhân loại đầy những trang bi hùng nhưng không kém phần sáng tạo, và lịch sử các tôn giáo cũng không thoát khỏi cái công lệ thiên nhiên đó. Cao Đài giáo cũng vậy, đó là những cơ khảo thí để gạn lọc những tông đồ và những ân hồng bố hóa để cho các thiện căn được soi dẫn trên bước hành trình đạo sự còn đượm tính chất huyền bí của công cuộc tiến hóa vũ trụ mà ra.

Các bạn thanh niên! Căn duyên đã đem các bạn vào nền Đại Đạo thì sự tìm hiểu cho thấu đáo lẽ mầu nhiệm của đạo Trời là bổn phận thiêng liêng của mọi giới tín hữu. Tuy nền Đạo mới phát khai nên những tư liệu giáo thuyết còn nằm nguyên trong lời Thánh huấn, nhưng triết học căn bản cũng nằm trong tâm tưởng của chính chúng ta khi cùng hướng về nguồn cội phát khai để tìm cho ra một giải đáp vì Triết học đòi hỏi nguồn tư duy của con người. Đó không phải là công việc của những ai tự xưng là Thần Thánh trong thời đại này, mà đó là công trình khám phá một cách vô tư của các nhà khoa học chân chính ngày nay, có thể kể như một Ampère, một Newton hay như một Einstein vậy. Cái khó nhất là biết tự đặt mình trong một Vũ trụ mênh mông bao quát kia để tìm cho ra cái chân tướng bé tí, là mẫu trung thực của hai vũ trụ tế vi và vũ trụ bao la đang dung hợp với nhau nơi con người vậy.

Những dòng tư tưởng sau đây chắc không khỏi làm phật lòng một số bạn đọc bởi vài quan điểm độc đáo và dị biệt của tác giả có thể trở thành “sự thật mịch lòng”, bởi tôi không thể vì một lý do nào mà không nói lên những gì tôi đã biết rõ trong thực chất dù được che đậy qua những màn diễn xuất ma thuật đến đâu.

Mong các bạn hiểu cho.

Viết tại Sài Gòn, mùa hè 1978.

Tu chỉnh lại tại Melbourne, mùa đông 2008.

ĐỒNG TÂN

BÀI 1:

CAO ĐÀI GIÁO DƯỚI CÁI NHÌN CỦA NHÀ SỬ HỌC

Nhập Đề: Quan điểm của nhà sử học Tây phương với lịch sử thế giới

Nói đến lịch sử thế giới, thường người ta nói đến lịch sử do các nhà nghiên cứu Tây phương với những di tích do họ nhận định hoặc qua một biến cố thời đại, hoặc qua những khai quật đó đây. Các bộ lịch sử này do các trường giảng dạy nên không khỏi bị hạn hẹp qua nhãn giới của họ với những yếu tố quy định như sau:

- Dùng các biến cố thời đại địa phương không có tính cách tổng quát của đại cuộc nhân loại.
- Đứng trên địa bàn hoạt động của người thời nay mà phán đoán cuộc sống ngày xưa.
- Thường nhận định qua những diễn biến của chính trị nhiều hơn mà không thấy được những tiến hóa của tư tưởng nhân loại.

Do đó, có thể nói lịch sử thế giới do các nhà sử học Tây phương chỉ thích dụng cho người Tây phương mà thôi, và cần phải được minh định lại cho đúng với cục diện chung.

Đại khái, ta có thể tóm tắt lịch sử thế giới do các nhà sử học Tây phương như sau:

- Thượng cổ: từ năm 4500 trước Tây lịch (trcTL) đến năm 476 là năm chấm dứt chế độ La Mã.
- Trung cổ: từ 476 đến 1453 là năm chấm dứt trận giặc 100 năm lần 2 giữa Anh và Pháp.
- Cận kim: từ 1453 đến 1789 là năm Cách mạng Dân chủ tại Pháp (khi ở Trung Hoa là triều Minh Cảnh Tông, ở Việt Nam là triều vua Lê Nhân Tông năm thứ 11 cũng vào năm 1453).
- Hiện kim: từ 1789 đến nay (năm 1789 là năm ở Pháp có bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền, ở Hoa Kỳ là thời đại Washington, và là năm vua Quang Trung đại phá quân Mãn Thanh tại Việt Nam).

Những sự kiện trên đây chỉ có nghĩa cho người Tây phương trong khi lịch sử nhân loại phải được viết theo những dữ kiện chung chỉ phối cuộc sống tiến hóa nhân loại chứ không thể suy diễn từ sự bế tắc của một tư phương lãnh thổ nào.

Chính Đề: Quan điểm của người tín hữu Cao Đài với lịch sử nhân loại

Căn cứ theo lịch trình diễn tiến của tư tưởng nhân loại qua cuộc sống chung của toàn thể giới, người tín hữu Cao Đài theo sự tham khảo lời chỉ dạy của Đức Cao Đài nhận định lịch sử nhân loại từ Thượng cổ đến nay ngót 5000 năm đã trải qua hai thời kỳ văn minh, mỗi thời kỳ kéo dài ngót 2500 năm. Cho đến nay, nhân loại đã theo đà tiến hóa chung, bắt đầu thời kỳ văn

minh thứ ba dưới danh hiệu Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, cũng có nghĩa là thời kỳ đại ân xá lần thứ 3 tại Đông phương (Troisième Amnistie de Dieu en Orient), tiếp theo hai nền văn minh trước, cũng gọi là Nhứt Kỳ và Nhị Kỳ Phổ Độ. Mỗi thời kỳ văn minh bao gồm mọi lãnh vực sinh hoạt nhân bản như tôn giáo, chính trị, văn hóa, kinh tế tùy theo mức sinh hoạt của nhân loại mà kết thành nền văn minh, chẳng hạn như nền văn minh thứ nhất là chủ trì khai hóa các bộ lạc đến dân tộc từng quốc gia, nền văn minh thứ nhì chủ trì sự khai hóa rộng hơn từ quốc gia sang lục địa mà các chủng tộc đã bắt đầu công cuộc tiến hóa chung. Cho đến ngày nay, với cảnh năm châu chung chợ bốn biển chung nhà trước thêm thiên niên kỷ mới thì phải có một nền văn minh tốt đẹp hơn để cải thiện cuộc sống xô bồ của nhân loại hiện đang bị lôi cuốn vào cái văn minh vật chất của hai mãnh lực quyền và lợi, trong khi ngày tận thế do các cựu giáo đã báo trước hầu như không còn tác dụng răn đe vì con người hầu như không còn giữ được cái nhân tính của mình nữa.

Theo Cao Đài giáo, ta hãy xét lần lượt dựa theo nguồn cội homo religious và homo sapiens của thời tiền sử để nhận định con người từ Thượng cổ đến nay theo những sự kiện lịch sử chung của nhân loại khắp nơi như thế nào.

A – THỜI KỲ VĂN MINH THỨ NHẤT (3000 trcTl - 500 trcTl)

Thời kỳ này, mọi sinh hoạt nhân loại đều do yếu tố tín ngưỡng hay nói cách khác là tôn giáo quy định. Đặc tính của các tôn giáo ở thời kỳ này là tác dụng của Thần linh trong mọi khai sáng cuộc sống từ buổi hỗn mang, nhờ đó loài người mới đi vào thời Thượng cổ.

Ta gọi đó là yếu tố THIÊN, chủ trì nơi các tôn giáo dù xuất phát từ đâu trên mặt địa cầu. Sự diễn biến không phải đột khởi nhất thời mà có tính cách liên tục bổ sung nhau trong một chu kỳ cần thiết cho sự phát xuất các nguồn động lực sáng tạo của mỗi chu trình diễn tiến của xã hội loài người, trong mọi phạm trù hoạt động cố hữu mà lịch sử nhân loại còn ghi đến nay.

Trong thời kỳ này, các tư phương tiến triển theo từng nhịp, nơi đâu có cuộc sống đòi hỏi sự cung ứng cho nhu cầu xã hội của nơi đó, nhưng tất cả chung lại mới thành đà tiến cho xã hội loài người không phân biệt, tuy ranh giới quốc gia chưa được khai thông. Ta có thể kể các tôn giáo chính như sau:

- Trung Hoa Giáo (THG)¹: phát khởi từ thời Phục Hy (4459 trcTl) đến Chu Văn Vương (2852 trcTl) quy định trật tự xã hội quân chủ với một Vũ trụ quan biến dịch làm nền cho mọi diễn biến tư tưởng con người trong mọi hành động với mọi tín ngưỡng Phiếm Thần, trong đó Thượng Đế có trong tất cả (Thiên Địa Vạn Vật Nhất Thể). Các hiện tượng Vu Nghiễn trong thời kỳ này cũng đã đóng góp tích cực vào sự khai hóa dân tộc Trung Hoa mà đã bị hiểu không thấu đáo thành những hiện tượng đồng bóng ma thuật chỉ có về sau này.

¹ Danh từ Trung Hoa giáo do Đồng Tân đặt ra cho thích ứng với môi trường khai sáng của nó trong lịch sử quốc gia liên hệ trước cục diện thế giới đương thời.

- Ba Tỷ Luân Giáo (BTLG): phát khai từ thời lập quốc Ba Tỷ Luân (3000 trc TL) thờ Thần Baal phồn thịnh nhất đến thời vua Hammourabi (2100 trc TL) khám phá những chu trình thiên văn qua sự qui định năm, tháng, ngày, giờ, sau đó tiếp sự khai sáng các loại mẫu tự mà Tây phương còn dùng đến nay. Đồng thời tôn giáo này đã có một trình độ hiểu biết về lẽ thiện ác với hậu quả của nó sau khi con người chết.
- Ai Cập Giáo (ACG): phát khai và phồn thịnh từ thời vua Ramsès II (3000 trc TL) mang tính Đa Thần nối tiếp tín ngưỡng thời tiền sử qua sự thờ Thần Mặt Trời với sự khám phá sự hiện hữu của linh hồn bất diệt và sự thưởng phạt của linh hồn đó ở bên kia thế giới.
- Hy Lạp Giáo (HLG): phát khởi từ vua Mycènes (1500 trc TL) đến Périclès (449 trc TL), là thời cực thịnh của nền văn minh dân chủ Hy Lạp khai triển khái niệm về một hệ thống Thần quyền có nhân tính, tác nhân của một ý niệm về con người làm chủ cuộc sống trong sinh hoạt gia đình cũng như ngoài quốc gia xã hội. Tôn giáo này cũng có tính cách Đa Thần với sự hiện diện của các Pythie làm trung gian, nhưng không được màu vật linh như Ai Cập giáo.
- Ấn Độ Giáo (ADG): phát khởi từ thời xuất hiện kinh Vệ Đà (1500 trc TL) do các hiện tượng Thần thi (Rishis) cho đến khi Thích Ca ra đời (500 trc TL). Tôn giáo này vừa có tính Đa Thần vừa Phiếm Thần với sự khai sáng sự hiện diện của Thần Brahma, Chúa Tể Vũ Trụ cùng lúc với những vị Thần khác, nhưng cũng nhìn nhận nơi con người có phần chủ động vô hình là Atman (linh hồn) mà Vũ trụ cũng có phần chủ động như thế gọi là Brahman. Cao Đài giáo cũng xác minh hai phần Tâm linh Con người phát sinh từ một Tâm Linh Vũ Trụ đã hệ thống hóa nguyên lý Atman và Brahman theo nguyên lý Thiên Địa Vạn Vật Nhứt Thể của Phiếm Thần Trung Hoa giáo đã kể trên. Tương tự, Ấn Độ giáo đã xây dựng nền tảng giáo pháp trên một ý niệm về luân hồi chuyển kiếp mà sau này Thích Ca và cả Pythagore tại Hy Lạp đã thừa tự tuy rằng không in hệt.
- Do Thái Giáo (DTG): phát khởi từ Moïse (1280 trc TL) với sự tín ngưỡng Đức Chúa Tể độc nhất Jéhovah đã hướng dẫn dân tộc Do Thái gọi là dân tộc được chọn trong sự tôn thờ Ngài với nền tảng giáo điều gọi là Mười Điều Luật do Đức Jéhovah ban truyền cho Moïse tại núi Sinai còn ghi trong kinh Cựu Ước.
- Linh Vật Giáo (LVG): xuất phát từ các dân tộc bán khai trên khắp mặt địa cầu không đâu là không có, nổi bật nhất là ở Phi châu, ở Bắc Á, Úc châu, Mỹ châu. Mặc dù không có sự giao thông nhau nhưng các dân tộc này có những sắc thái tín ngưỡng được nhiều tính chất ma thuật không khác nhau mấy, dù vậy cũng đã do một động lực tín ngưỡng các đấng Thần linh, trong đó không phải không có sự hiện diện của Thượng Đế với danh hiệu mỗi nơi mỗi khác, điển hình như các dân tộc thiểu số ở Việt Nam thờ ông Yàng.

Qua những giáo điều của các tôn giáo kể trên, ta nhận thấy xã hội loài người từ nghìn xưa đã có một trật tự nề nếp từ gia đình đến quốc gia xã hội trong đó bổn phận của mỗi người đã được qui định về mọi mặt vật chất cũng như tinh thần. Cũng nên xác minh rằng chính trị trong thời kỳ này lệ thuộc hoàn toàn vào yếu tố Thần linh. Người có quyền uy hơn hết là con Trời (vua được tôn xưng là Thiên Tử) và những vấn đề trọng đại bất kham của con người đều do những hiện tượng làm trung gian giữa người và Thần linh như các Vu Nghiễn ở Trung Hoa, Pythie ở Hy Lạp hay Rishis ở Ấn Độ hoặc trực tiếp giữa người với Thần linh như ở Ai Cập hay Do Thái... mà ta gọi là phần THIÊN ngự trị chung cả nhân loại.

Có thể tóm lược các điểm chính do sự khai phá của nền văn minh thứ nhứt của nhân loại như sau:

- 1- Sự phân định bờ cõi quốc gia cũng như tinh thần dân tộc của từng địa phương nhân loại để đi vào thời kỳ lịch sử (do sự xuất hiện Thần linh qua sự tín ngưỡng ở mỗi tư phương).
- 2- Những nề nếp sinh hoạt của các dân tộc sau đó (do các tôn giáo qui định):
 - Gia đình: (ACG+THG+HLG) gia trưởng cũng là giáo trưởng.
 - Quốc gia: (ACG+THG) quân chủ, (HLG) dân chủ.
 - Sự hiện diện của Thượng Đế: (THG+DTG+AĐG).
 - Sự hiện diện của linh hồn bất tử và sự thưởng phạt ở cõi vô hình: (ACG+DTG+AĐG).
 - Sự hiện hữu của linh hồn và sự luân hồi chuyển kiếp: (AĐG).
 - Sự thành hình khoa Thiên văn và vấn đề thiện ác thế gian: (BTLG).
 - Tín ngưỡng của dân tộc chậm tiến nơi Thượng Đế: (LVG).
 - Sự sống còn của một dân tộc cũng tùy thuộc vào mức văn minh tiến bộ của mỗi nơi, hoặc hòa đồng với nhau để cùng tồn tại hoặc tự cô lập để tự diệt cùng với nền tôn giáo của họ, như Ba Tỷ Luân giáo tuy thành tích còn lại nhưng bờ cõi lu mờ dần.

Nói tổng lại, thời kỳ văn minh thứ nhứt của nhân loại đã đưa nhân loại đi từ thời tiền sử đến lịch sử bao gồm quanh sự cải thiện đời sống con người từ ăn lông ở lỗ cho đến thành hình bộ lạc rồi quốc gia, tất cả đều do sự chi phối của Thần quyền không nhiều thì ít qua động lực tôn giáo.

B- THỜI KỲ VĂN MINH THỨ NHÌ (500 trcTl – 2000 sauTl)

Thời kỳ này đánh dấu bằng sự trỗi dậy của ý thức Con người trước thế lực Thần quyền không còn tác dụng như xưa. Ta gọi đó là yếu tố NHÂN chủ trì nơi các tôn giáo được minh định trên các giáo thuyết lúc bấy giờ. Con người đã được ổn định trong nếp sống gia đình và quốc gia tuy có những xô xát nhau trong luật vật cạnh thiên trạch, nhưng từ nơi con người đã cố tìm cách tự giải tỏa những bí nhiệm mà trước đó đã trợ lực cho con người đến nay cơ hồ như không còn nữa. Do đó, các giáo thuyết đương thời thường từ Con người tự tìm cách suy diễn, nhưng cũng không khỏi sự trợ lực của Vô Hình từng khi tùy theo trường hợp mà di tích còn truyền lại như một Thích Ca nơi Khổ Hạnh Lâm, một Jésus nơi động Qarantal, một Mahomet nơi động Hara, có khác gì Lão Đam mà tên tuổi đến nay vẫn còn bí ẩn, còn nói gì đến một Khổng Khâu với khả năng "tam thập nhi lập, ngũ thập nhi tri Thiên mạng..." thì mức độ tu kỷ mấy ai làm được...

Tính cách thời thượng của thời kỳ này là sự cung ứng nhu cầu cho những tập thể loài người có cùng mức độ tín ngưỡng như nhau, có thể không bị ràng buộc bởi ranh giới quốc gia để đi vào lĩnh vực rộng rãi hơn của lục địa. Mỗi tôn giáo ở thời kỳ này đều có sự tiếp nối với các tôn giáo trước của địa phương mình một cách rõ rệt cho dù các Giáo chủ có suy diễn giáo thuyết mình như thế nào, bởi lẽ chân lý từ nghìn xưa vẫn là một thể trạng đồng qui nhi thù đồ không chối cãi. Ta có thể kể như sau:

- Lão Giáo và Khổng Giáo (Lão Đam 604 trcTl và Khổng Khâu 551 trcTl) từ Trung Hoa giáo. Đức Khổng với việc san định Kinh Dịch, đức Lão với Đạo Đức Kinh. Hai vị Giáo chủ này đã vạch hai con đường song song cho dân tộc Trung Hoa thực hiện đạo lý của Chu Văn Vương ngày trước. Cho dù người đời sau quan niệm về hai ngài như thế nào thì nội dung của hai bộ Kinh trên cũng cho ta một ý niệm về vũ trụ không khác nhau bao nhiêu, có khác một đàng dùng các nét gạch, một đàng dùng con số, đã nói tiếp Vũ trụ quan và Nhân sinh quan của Chu Dịch một cách khá rõ rệt. Các chính sách "tu tề trị bình" của Khổng giáo và "vô vi nhi vô bất vi" của Lão giáo đã đi song song với nhau

trong trình tự tiến hóa của nhân loại không chối cãi chỉ vì đã phụ giải nhau trong sinh hoạt đạo đức của con người.

- **Phật Giáo (Thích Ca 560 trcTl):** dù muốn dù không, giới tín hữu Phật giáo cũng không thể phủ nhận rằng đức Thích Ca đã từng theo các tu sĩ đương thời vốn từ Bà La Môn giáo để tu tập, nhưng đến khi giác ngộ thì ngài đã như đoạn tuyệt với nếp sống đạo đức cũ đượm màu sắc thần quyền giai cấp Ấn Độ giáo. Ngài đã tìm ra cách tự giải thoát cho riêng mình theo đường hướng trung đạo (không quá hoang dã cũng không quá ép xác) và giải thích ý niệm luân hồi chuyển kiếp kèm theo một quan niệm nghiệp báo không hoàn toàn như đã có trong Ấn Độ giáo. Phải hiểu rằng đó là một nhu cầu cảnh giác đường lối tu học cổ kính của Ấn Độ giáo (còn gọi là Bà La Môn giáo) cho thích hợp với nếp sống tự chủ của con người hơn trong tinh thần từ bi bác ái của đức Thích Ca, nên khi đạt đạo nhiệm màu, chính ngài cũng nhìn nhận là "Vạn hữu phát sinh từ một Nguyên nhân" theo câu kinh mà các nhà sư Trung Hoa đã giải sang nghĩa là "chư pháp nhân duyên sinh, cũng do nhân duyên diệt" nên đã gây một thành kiến của Phật giáo với các tôn giáo khác về việc phủ nhận Thượng Đế để cái nhân duyên kia chỉ là giả tượng, không làm sao đi vào phần bí nhiệm của Vũ trụ vậy. Lại nữa, các sư Tàu đã bị cái vô minh chủ quan ngạo mạn mà chạy theo trò ý thức hệ tam vô thú vật của cộng sản nên từ thế kỷ XX những người họ Thích này đã bị trò chính trị tạo thành cuồng tín mà các đại sư kia đã bị thiên hạ chế giễu xem như những tên vô đạo làm trò nô dịch cho cộng sản mà thôi...
- **Cơ Đốc Giáo (Jésus Christ – năm 3 sauTl):** sự nối tiếp chân truyền Do Thái giáo nơi Cơ Đốc giáo thì không chối cãi. Cho nên bộ Kinh Thánh gồm hai phần: Cựu Ước của Do Thái giáo và Tân Ước của Cơ Đốc giáo thì không ai là không biết cho dù Cơ Đốc giáo chỉ tách khỏi Do Thái giáo khoảng một thế kỷ sau khi thành hình. Một điều hiển nhiên cho ta thấy Tân Ước là phần thực hành những gì đã được nói trong Cựu Ước và lối tu học cả hai đều không ra ngoài Mười Điều Luật mà Đức Jehovah đã ban cho Moïse trên núi Sinai, tuy là di sản của Trung Đông nhưng đã trở thành nếp sống tinh thần cho đa số nhân dân Âu châu dưới triều đại Tòa Thánh Vatican còn đến ngày nay.
- **La Mã Giáo (700 trcTl):** du nhập và tiếp nối giáo điều Thần quyền của Hy Lạp giáo trong đó có các Thần ngự trị của La Mã giáo như Jupiter, Junon, Minerve, Neptune có thể xem như là hiện thân của Zeus, Héra, Athéna, Poséidon của Hy Lạp giáo với nếp sinh hoạt gia đình, xã hội, đạo đức không khác nhau bao nhiêu. Nhưng tôn giáo này không còn nữa kể từ năm 476 sau Tây lịch mà thay vào đó là Tòa Thánh Vatican với đế quyền ngự trị trên đầu cổ các vua chúa thời phong kiến bên Âu châu cùng giáo quyền Kinh Thánh mà thế thường gọi là Công giáo dù chỉ có một số con chiên tôn sùng mà thôi.
- **Ba Tư Giáo (600 trcTl):** từ ảnh hưởng sâu đậm của Ba Tỷ Luân giáo với sự chế ngự của Thần Thiện trên Thần Ác trong nếp sinh hoạt đạo đức của con người, cho dù Ba Tỷ Luân giáo có mai một nhưng Ba Tư giáo vẫn duy trì được tính chất xây dựng đạo lý cho dân tộc còn đến ngày nay.
- **Hồi Giáo (Mahomet - 750 sauTl):** sự tự nhận mình là dòng dõi của Tổ Abraham, qua ngã Ismael của đức Mahomet (trong khi Jésus Christ qua ngã David), Giáo chủ Hồi giáo - còn gọi là Thiên sứ - xác định tôn giáo này không thể ra ngoài hệ thống của Do Thái giáo. Cả ba tôn giáo này có thể xem như ba hệ phái cùng một nguồn gốc dù tính chất giáo điều có khác nhau: Do Thái giáo thì gieo niềm hy vọng, Cơ Đốc giáo thì có

lòng nhân ái còn Hồi giáo thì có đức tin làm nền, chung qui cũng là một phương hướng giải cứu linh hồn con người trở về nước Chúa ngày Tận thế với lần Phán Xét Cuối Cùng mà thôi. Một điều cần lưu ý là Thiên sứ Mahomet tạo Kinh Coran khi ông nhận điển linh từ Thánh Gabriel với giáo điều do Đấng Allah được xưng tụng là tối cao trên cả Thượng Đế để cảnh tỉnh dân bộ lạc miền Trung Á, nhưng khi đương thời dù là một tướng quân xông pha trận mạc nhưng ông cũng mang bản lĩnh bộ lạc đa thê (có 24 bà vợ, theo Le Coran của Savary) mà như thế thì làm sao khỏi bị nhờn điển chỉ phối với những chủ quan sát máu trong bộ kinh mà các trò cuồng tín cực đoan khủng bố thời mạt pháp không khác trò cộng sản với ý đồ tóm thâu cả thế giới đã gây nên bạo loạn đó đây như đã có?! Với tư cách một đồng tử đã nhận điển linh từ Vô Hình trong Cao Đài giáo, tác giả đã nêu ra quan điểm này bởi người đồng tử phải giữ dạ vô tư thuần khiết hồn nhiên như trẻ nít mới tiếp được Thiên điển. Những người không biết điển linh từ thế giới Vô hình thì không biết được hậu quả này, cứ bình tâm rồi cực diện thế giới sẽ xảy ra theo luật Thiên điều nhân quả mà tất cả chỉ tại con người mà ra cả!

- Thần Giáo (Thần Vũ Thiên Hoàng Jimmo - 660 trCT): tôn giáo này tuy đã có nguồn gốc sâu thẳm theo lịch sử dân tộc Phù Tang, nhưng tính chất sáng tạo của nó phải nói từ thời đại Minh Trị Thiên Hoàng (1867 sauCT) với tư tưởng cải cách duy tân trở về sau. Đây là một sắc thái đặc biệt của tôn giáo chỉ thích ứng với dân tộc này nên ta không được nghe nói tới tính cách cải thiện xây dựng cứu rỗi của nó bên ngoài các hải đảo Nhật Bản. Tuy nhiên, công cuộc rèn luyện thân tâm tinh khiết với sự tôn thờ danh dự tuyệt đối của tôn giáo này thì nơi đâu cũng có, xem như một phần căn bản của sự tu tâm dưỡng tánh, bước đầu của tu kỷ độ tha mà không một tôn giáo nào không làm căn bản cho sự tu học hằng ngày.

Theo các giáo thuyết kể trên, ta nhận thấy nguồn đạo lý thời trước được bỏ tước với phần nhơn tâm đạt đạo làm tiêu biểu cho một đại cuộc nhân sinh thay vào Thần quyền ngự trị từ trước trong mọi lĩnh vực:

- Nếp sống quốc gia: tinh thần dân tộc - (Khổng Giáo)
- Nếp sống cá nhân và gia đình:
 - Vô vi vô bất vi - (Lão Giáo)
 - Tu tề trị bình - (Khổng Giáo)
 - Từ bi bác ái - (Phật Giáo)
 - Nhân ái - (Cơ Đốc Giáo)
 - Tín thành huynh đệ - (Hồi Giáo)
 - Thanh khiết đồng mãnh - (Thần Giáo)

Nói chung thì các giả thuyết như đời là bể khổ, hay chịu tội tổ tông chỉ là một luận cứ mơ hồ chủ quan lệch lạc không có tính cách chân lý đích thực nên không phản ánh được tính bao quát làm nền tảng chung cho đại cuộc nhân sinh. Tuy nhiên, nếu không có sự tiếp nối phần NHÂN của thời này vào phần THIÊN của thời trước thì có lẽ nhân loại vẫn phải sống trong Thần quyền, một khi đã không còn tác dụng thì cuộc sống nhân loại sẽ bị bế tắc mà chính phần Nhân này đã làm nổi bật cái nhân tính cao siêu làm nền cho mọi sáng tạo của con người đóng góp vào cuộc sống chung cho mọi chủng tộc trên lục địa không phải nhỏ qua các nề nếp giáo thuyết kể trên.

Bởi thế, qua những giáo điều của các tôn giáo thời này, ta thấy rõ sự tiếp nối chân truyền không thể không có từ các tôn giáo xưa, dù họ muốn tách ra khỏi hệ thống để tự cho là đột khởi của mình thì những nguồn gốc của giáo thuyết của tôn giáo nào cũng đã từ một lẽ mầu nhiệm vốn

là nguồn động lực sống còn của nhân loại từ cội thâm sâu của Vũ trụ mà ta gọi là Đạo mà ra. Tuy nhiên, do sự tôn thờ quá mức mà các Giáo chủ nhân tính thời này cũng không khác cái bệnh Thần quyền thời trước bao nhiêu. Cứ xem các loại kinh điển của tôn giáo nào cũng đặt "Con người Giáo chủ" lên trên cao vọi mà kinh điển của tôn giáo này không bao giờ thấp hơn các tôn giáo khác, thậm chí có tôn giáo lại tự nhận chỉ có mình mới là chánh giáo còn các tôn giáo khác chỉ là tà giáo mà thôi. Cái tính chủ quan này đã làm cho thời văn minh thứ hai bị vật chất chi phối mà tính cách cứu thế cũng nằm trong thể kinh doanh chạy theo quyền và lợi thời thượng mà ra thôi.

Nói tổng lại, Thời kỳ Văn minh thứ nhì của nhân loại đã đưa các dân tộc lại gần nhau hơn, tuy rằng những đặc thù của thời trước không xóa bỏ được nhưng vẫn đi đến một thể hòa đồng giữa nhân loại từ phạm vi quốc gia đến lục địa trong tư thế dẫn đến một nền văn minh bao quát hơn mà không một dân tộc nào không mong mỏi. Đó là nền Đại đồng thể giới hòa bình cực lạc phải có trên thế gian trong tương lai nhân loại.

C- THỜI KỲ VĂN MINH THỨ BA: từ 1924 đến 2500 năm sau

Nền cực lạc Đại đồng trên thế gian đã nói trên đây phải đến. Đó là một đặc tính nằm trong giác thức bảo tồn² của định luật tấn hóa đang điều động cuộc sống bất diệt của Vũ trụ mà ra. Cái ý nghĩa ngày Tận thế của Tây phương cũng như đời Mạt pháp ở Đông phương không bao giờ là sự tận diệt hoàn toàn sẽ đến với nhân loại. Cũng như những ảo vọng xây dựng nền Đại đồng hạnh phúc chung trên quả địa cầu này đã do một lập thuyết nào thì cũng chỉ động lại trên từ ngữ mà không làm sao có trong thực tế khi con người với trí lự hạn hẹp phạm phu đã gây nhiều biến động chỉ có hại cho nhân loại mà thôi.

Cho nên, Thời kỳ Văn minh thứ ba chính là giai đoạn chuyển tiếp do hậu quả của hai thời kỳ trước, trong đó con người ý thức được tiềm năng sáng tạo không phải đã do sáng kiến một cá nhân, một chủ nghĩa hay một tôn giáo nào mà thật sự đó là kết tinh bao nhiêu tinh hoa cổ kết của lịch sử tấn hóa chung của loài người từ nghìn xưa đến nay ung đúc cấu thành. Bởi thế, Thời kỳ Văn minh thứ ba của nhân loại phối hợp vừa Thần quyền tức là phần THIÊN của Thời kỳ Văn minh thứ nhứt với phần NHÂN của Thời kỳ Văn minh thứ nhì để cải thiện cuộc sống nhân loại trước thềm của Thiên niên kỷ thứ ba đòi hỏi phải có một sự chấn hưng đạo đức trên toàn thể giới mà cái mãnh lực QUYỀN và LỢI đang xâm xé nhân loại trong mọi lĩnh vực tôn giáo, khoa học, văn chương và nhất là chính trị càng hỗn loạn hơn. Hai thành phần trên được nêu ra trong tinh thần THIÊN NHÂN HIỆP NHỨT trong một đại hòa điệu mà hai bên đều có trọng trách đối với tiền đồ nhân loại. Các giá trị nhân bản làm nền cho mọi cơ cấu sinh hoạt nhân loại tiềm tàng trong hai thời kỳ trước phải được truy hoàn lại làm thành một khối thuần nhất gồm đủ Đông Tây Kim Cổ mà không phân biệt địa phương hay chủng tộc trong tinh thần đạo học Đông phương đã nêu ra : "Nhứt bôn tán vạn thù, vạn thù qui nhứt bôn". Hiện rất còn quá sớm để nói đến kết quả của một nền Đại đồng nhân loại với cái mục đích đã được thực nghiệm "**Dụng hợp Tâm linh Con người với Tâm Linh Vũ Trụ**" mà giáo thuyết Cao Đài đã nêu ra qua thành tích cụ thể của người tín đồ đầu tiên là đức Ngô Minh Chiêu với những lời tiên tri ba giai đoạn khai xuất Thiên Hoàng, Địa Hoàng và Nhơn Hoàng cách nhau 500 năm từ 1924 đến 3424 mà một đại chu kỳ 2500 năm cho sự thị hiện một nền văn minh nhân loại sẽ đến trên quả địa cầu này như đức Ngô đã kín nhiệm thông báo cho toàn đạo trong bức thư ngày 27 tháng 5 năm 1927 tại Cần Thơ vậy.

² Xin xem sách *Lý Thuyết Tổng Hợp của Đồng Tân* xuất bản năm 1971 tại Sài Gòn, nhà Xuất Bản Cao Hiền Hải Ngoại sẽ tái bản.

Trên quan điểm đó, người tín hữu Cao Đài có thể nêu ra sự tương quan như sau:

- Thời kỳ Văn minh thứ nhứt: Nhứt Kỳ Phổ Độ.
- Thời kỳ Văn minh thứ nhì: Nhị Kỳ Phổ Độ.
- Và do đó, Thời kỳ Văn minh thứ ba: Tam Kỳ Phổ Độ.

Kết Đề: Nói theo thông lệ, thì cái chương trình mà Đức Thượng Đế vốn là Cha vừa là Thầy đang giám sát và điều động Vũ trụ sanh linh thì không thể làm ngơ trước trạng thái sa đọa của nhân tâm thế đạo ngày nay. Do đó, cả một tông chỉ được vạch ra gồm những tiêu điểm:

- Tam Giáo Qui Nguyên, Ngũ Chi Phục Nhứt
- Tâm Vật Bình Hành, Trung Dung Quán Nhứt
- Thuần Chơn Vô Ngã, Thiên Nhân Hiệp Nhứt

mà nguồn động năng tác thành đã do Đấng Thượng Đế Chúa Tể Vũ Trụ tự Ngài giáng trần (yếu tố THIÊN ở Nhứt Kỳ Phổ Độ) qua người đồng tử để hướng dẫn nhân loại tu học đạt đạo nhiệm mầu tùy theo căn duyên của họ (yếu tố NHÂN ở Nhị Kỳ Phổ Độ) chứ không do một Giáo chủ mang xác phàm.

Một điều cần nêu ra là đây không phải là một sự phủ nhận có tính cách độc đoán đối với các sử gia Tây phương mà chỉ là một khám phá mới trên phương diện văn hóa nói chung hay tôn giáo nói riêng mà dọc theo truyền kỳ lịch sử Việt Nam với 5000 năm văn hiến đã lưu lại thành tích xây dựng trên tinh thần tổng hợp như trên qua tín ngưỡng vào một Thiên Thư trên bờ sông Như Nguyệt khiến quân Tống phải bại vong hoặc một Quan Âm nữ thời Lý hay một Đạo Nội thời Trần với Tuệ Trung Thượng Sĩ cách đây ngót 8 thế kỷ. Cho nên, nếu có bạn nào thắc mắc về quan điểm này thì cũng nên xét lại bởi dù Đông hay Tây, lịch sử thế giới phải do nhân loại đóng góp qua các thời điểm chung tổng hợp lại, chứ không thể căn cứ một biến cố tư phương mà cưỡng ép toàn nhân loại phải chu tuần qua đó, bởi nếu có một tư trào mới xuất hiện thì cũng chỉ có nghĩa là một khởi điểm của sự tiến hóa tư phương, chứ không thể là khởi thủy cho một thời đại của toàn nhân loại.

BÀI 2:

CAO ĐÀI GIÁO DƯỚI CÁI NHÌN CỦA NHÀ KHOA HỌC

Nhập Đề: Khoa học là một bộ môn nghiên cứu có tính thực nghiệm vật chất hay nói cách khác là phương pháp tìm hiểu sự vật căn cứ vào những nghiệm chứng bằng giác quan con người một cách cụ thể để từ đó suy ra thực chất của một hiện tượng. Khoa học tuy đã manh nha từ thời Thái Cổ, nhưng mới trưởng thành trong công trình sáng tạo của nhân loại từ cách đây không quá 5 thế kỷ mà đã được xem như một bộ môn nghiên cứu có tính thời thượng hơn hết. Nhưng đây chỉ là một nhận định có tính hiển nhiên của vật chất mà thôi khi con người hiện nay không còn thấy được ánh sáng của tâm linh.

Do đó, ta phải tìm biết con người và lịch sử khoa học đã diễn biến ra sao trong lịch trình tiến hóa của nhân loại trước khi đi vào phần chính đề.

Theo giáo sư R.Massain, lịch sử khoa học đã trải qua bốn thời kỳ:

- 1- **THƯỢNG CỔ:** Các dân tộc Thái Cổ đã có những khám phá khoa học còn dấu tích hoặc còn truyền tụng đến ngày nay phát xuất từ miền Á Rập sau đến Hy Lạp. Do đó, sự phân định năm tháng ngày giờ của dân Ba Tỷ Luân, và cách dùng các mẫu tự của dân Phénicien cho đến nay vẫn còn hữu dụng trên toàn thế giới, và trong lĩnh vực vật lý, ta còn nghe những danh vị Pythagore (580-504 trcTl), hoặc Aristote (384-322 trcTl) và Archimède (287-212 trcTl).
- 2- **TRUNG CỔ:** Các dân tộc Á Rập tiếp tục sự nghiệp của tiền nhân họ một cách rạn rỡ từ thế kỷ VIII đến thế kỷ XI. Sau đó, các nước Âu châu nối tiếp công trình của họ qua các trường đại học giảng dạy về Toán học và Thiên văn học từ thế kỷ XI đến thế kỷ XVI.
- 3- **PHỤC HUNG:** Thế kỷ XVI đến XVIII đánh dấu bằng sự xuất hiện liên tục các nhà bác học như Copernic người Ba lan (1473-1543), Kepler người Đức (1571-1630), hay Galiléo người Ý (1564-1642) và Newton người Anh (1642-1727). Thời kỳ này chia làm hai trường phái:
 - Ý Đại Lợi với Galiléo và môn đệ.
 - Âu châu với Newton: Hiệp hội Hoàng gia ở Luân Đôn (1662) và Hàn Lâm viện Khoa học ở Paris (1666).
- 4- **HIỆN KIM:** Từ cuối thế kỷ XVIII, không có báo hiệu, thời kỳ này có những chuyển hướng khoa học như:
 - Sinh vật: thuyết Nguyên hình của Cuvier (Pháp 1769-1832); chống thuyết Biến hình của Darwin (Anh 1809-1882) và Lamarck (1774-1829); thuyết Vi trùng của Pasteur (Pháp 1822-1895) chống thuyết Sinh vật tự sinh của Pouchet...
 - Vũ trụ: thuyết Quantum của Max Planck (Đức 1858-1947) và thuyết Atome của John Dalton (Anh 1766-1844) cùng với các thuyết Tương đối và Tuyệt đối (1905-1916) của Einstein (Đức 1879-1955).

Xét lịch trình tiến triển của khoa học trên đây, ta thấy có những điểm chung:

- Không chịu nhận những gì đã nói trước nếu không có sự nghiệm chứng của mình.
- Tin vào sự bí mật vũ trụ mà con người không thể khám phá nổi bằng ngũ quan và phương tiện thí nghiệm vật chất với sự tin tưởng có Thượng Đế.

- Newton qua vũ trụ bao la, Einstein qua vũ trụ tế vi và một ý nghĩa thần bí (sens du mystique), Pasteur trong nguồn gốc sinh vật: Bí nhiệm mà ta phải cúi đầu khâm phục "Mystère devant lequel il faut s'incliner!"

Chính Đề: Những nhận xét trên đây cho ta thấy các nhà khoa học chân chính - thường gọi là Bác học hay nhà Thông thái - không khác các Thánh nhân tôn giáo trong sự quan sát thế giới bên ngoài.

Trên bình diện tôn giáo, ta phải tìm biết tính chất khai phá này của khoa học có gì khác biệt về mặt tín ngưỡng nói chung và trong Cao Đài giáo nói riêng. Lịch sử Hy Lạp cho ta thấy cái biết của các nhà Thông thái cũng không khác các nhà tôn giáo trước vũ trụ bao la (những Thiên thể không khác địa cầu ta ở - Démosthène) tuy không qua một tôn giáo nào. Phải chăng đó là sự hiểu biết qua ngả tâm linh - dù được suy diễn theo duy vật - mà các nhà khoa học mấy khi được cảm nhận như thế khi mà cũng với tầm khảo sát khoa học ngày nay có người rất đỗi ngạc nhiên trước sự khám phá của mình (sự thu âm vào cuộn băng - Edison).

Như thế, một yếu tố Vô hình đang ngự trị trong mọi khám phá dù vật chất cũng không ra ngoài thực tế đó, nên tôn giáo nếu phủ nhận giá trị của khoa học trong đời sống con người thì cũng không được. Còn nếu cứ dùng đức tin để cưỡng chế một tín ngưỡng thì chỉ đi vào con đường mê tín mà thôi.

Trên quan điểm đó, ta hãy đi tìm sắc thái khoa học trong Cao Đài giáo như thế nào:

1- NHỨT KỲ PHỔ ĐỘ: vào thời đại này, Thần quyền hay yếu tố Thiên ngự trị trên mọi lĩnh vực sinh hoạt nhân sinh, tín ngưỡng là động lực chính của con người nên chưa có chỗ cho tâm nhận định của con người mà nền khoa học sau này mới khai thác nguồn suy tư về mọi hiện tượng thiên nhiên đó.

2- NHỊ KỲ PHỔ ĐỘ: đến nay, yếu tố Thiên đã bị nghiền đi để thay vào đó yếu tố Nhân điều động khả năng giác ngộ của con người đi vào chân lý Vũ trụ với mức tu kỷ để đạt đạo nhiệm mầu mà các cá nhân Giáo chủ theo nhu cầu từng địa phương đã có. Sự trầm mặc, tính kiên nhẫn của các nhà Thông thái sau này có khác gì mức khắc kỷ của các Giáo chủ trước đó trong cùng một mục đích là khám phá ra một cái gì đáp ứng cho nhu cầu nhân sinh thời bấy giờ. Một đảng thì tin vào sức mạnh nội tại của mình, một đảng tin vào cảm nhận của ngoại giới tuy không khác nhau về mức độ suy tư của con người. Cho nên phải nói ở Nhị Kỳ Phổ Độ, tinh thần khoa học đã bộc lộ trong tư tưởng giới con người làm nền cho mọi tôn giáo dù các tín đồ có nhận biết hay không. Cả hai nền văn minh nhân loại qua hai Kỳ Phổ Độ trước tuy không có sự góp mặt của các nhà khoa học theo nghĩa vật lý hiện nay, nhưng nếu không có các hiện tượng đóng góp của một nhân thân như các Vu Nghiễn ở Trung Hoa, các Pythie ở Hy Lạp hay các Rishis ở Ấn Độ thời Nhứt Kỳ hay tự các Giáo chủ với mức khai thị đặc biệt ở Nhị Kỳ thì có thể nói không có nguồn tấn hóa cho hai nền văn minh trước đây.

3- TAM KỲ PHỔ ĐỘ: khi các yếu tố khoa học nhân bản làm tiền đề cho những phát khởi tôn giáo ở Nhị Kỳ Phổ Độ thì đến thời hiện tại Tam Kỳ Phổ Độ với sự phát triển đến cùng tột khoa học vật lý, con người đã có thể quên đi phần tâm linh sáng tạo để tự đi vào Vũ trụ bằng ngả vật chất thuần túy, nhưng chỉ đến hết bờ ranh của vật chất và phải đứng dừng lại đó mà thôi, bởi một khi con người tự phủ nhận phần tâm linh tức là linh hồn đang chủ động thể xác mình mà khoa học ngày nay đang vấp phải tệ nạn đó thì cửa ngõ đi vào bí nhiệm của Vũ trụ đã bị khép kín nên tình trạng văn minh vật chất ngày nay đang giậm chân tại chỗ là vậy đó.

Tuy nhiên, khoa học vật lý không phải là những gì trở ngại trên bước tiến trình của con người đi vào Vũ trụ bởi lẽ Vũ trụ vật chất là môi trường cho Vũ trụ tâm linh sinh hoạt nên không thể tách rời hai Vũ trụ ấy được nếu ta đi vào sự quan sát của sinh vật. Con người vốn là một sinh vật, do đó sẽ có ngày tự nghiệm chứng sự thiếu sót của khoa học vật lý nếu cứ đi hoài trên lĩnh

vực vô cơ. Những suy tư trong giả tượng của nhà bác học Einstein đề tự minh xác tầm mức tương đối của các định luật vật chất cũng nhận định được mức tương đối của tầm hiểu biết con người. Trên quan điểm này, các nhà khoa học có thể đưa ra những nhận định về các vấn đề liên quan đến giáo thuyết Cao Đài có thể dẫn ra đây:

- **CƠ BÚT**: nói đến Cao Đài giáo, trước tiên phải nói đến vấn đề cơ bút. Nhưng cơ bút có phải là những tổ chức tà quái còn sót lại từ nghìn xưa qua các hiện tượng đồng bóng ma thuật hay không? Đó là điều phải được soi rọi dưới ánh sáng của khoa học. Cho nên nói đến cơ bút tức là đã minh chứng sự hiện hữu của những thể lực Vô hình có thể điều động con người và đưa ra những sự khai sáng mà con người không thể tự họ làm ra được. Sự kiện này đã có ở Nhị Kỳ Phổ Độ với những khái niệm về khoa học nhân văn đã đề cập trên. Tuy nhiên nếu chịu khảo sát về phương diện vật lý thì cơ bút chính là sự cảm ứng của hai luồng, một bên là nhân điển tức nguồn sinh khí của con người và một bên là Thiên điển tức nguồn sinh khí khai thông Vũ trụ. Nói cách khác, một buổi đàn cơ là một cuộc thí nghiệm của sự dung hợp hai luồng điện đó theo môi trường liên hệ có độ **cảm tốt đẹp** (cũng có nghĩa là phần nhơn điển trong lành) thì tự nhiên có phần **ứng Thiên liên** (cũng có nghĩa là phần Thiên điển đang ngự trị trong cõi Vô hình) để hình thành một hiện tượng siêu nhiên mà chính người trong cuộc (còn gọi là đồng tử) cũng không thể chế ngự được mà chỉ biết để cho hiện tượng kia tự nơi mình phụ diễn ra. Về phương diện tâm linh, có thể xem cơ bút là một môi trường hoạt động tâm linh siêu việt nhiệm mầu mà con người với công phu tu kỹ có thể đạt được trên thế gian này, làm nhịp cầu giao cảm giữa người thể gian và các đấng Vô hình mà xưa nay không đâu là không đề cập đến qua những hiện tượng siêu hình. Do đó, những người không có một mức độ tu học vô tư thuần khiết không thể tạo ra một buổi đàn cơ linh nghiệm, và những tư thế tà tâm chỉ đáp ứng cho những xảo thuật tà quái hoành hành, hay thường gọi là đồng bóng ma thuật, không bao giờ biểu thị được mức cảm thông giữa Người và các Thần linh cao trổi được. Tác giả trình bày hiện tượng cơ bút trên đây đã thực nghiệm từ chính bản thân mình thời niên thiếu tại miền trung du Quảng Nam nơi Thánh Thất Trung An thời chiến tranh Pháp Việt 1946 – 1949, trụ sở của Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài miền Trung, nên các đấng Vô hình qua cơ bút đã chế ngự được mọi âm mưu tiêu diệt tôn giáo sau vụ thảm sát ngót hàng vạn tín hữu Cao Đài tại Quảng Ngãi tháng 8-1945 của nhà nước cộng sản Việt minh thời bấy giờ. (Xin xem chi tiết cuốn Lịch sử Cao Đài giáo Quyển III: Phần Phổ Độ 2 - Truyền giáo Trung Bắc Việt Nam, Đồng Tân, 2010).

- **LINH HỒN**: Như trên đã nói, linh hồn là phần tâm linh hiện hữu đang điều động mọi sinh hoạt của một sinh vật, là nguồn sinh lực cho mọi cơ năng hoạt động trong một thể xác khi còn sống. Nhưng linh hồn vốn xuất phát từ cõi Vô hình có tính trường cửu, không lệ thuộc vào các định luật nhứt thời của vật chất, nên khi một sinh vật chết đi thì thể xác bị tan rã để trở về cát bụi mà linh hồn vẫn tiếp tục theo môi trường hoạt động thích nghi nơi cõi Vô hình. Những ứng hiện qua cơ bút cho ta biết rõ điều này qua một đồng tử như đã kể trên. Trong Cao Đài giáo, linh hồn con người gồm hai phần: giả thân và chơn thân. Phần chơn thân tức là phần lãnh hội của Linh hồn từ Tâm Linh Vũ Trụ (tức là Thượng Đế) vốn bất biến, và phần giả thân tức là mô hình của thể xác dính liền nơi con người thường gọi là phách hay vía thì sẽ mất đi khi không còn thể xác. Do đó, khi con người chết thì hai phần này thoát ra khỏi thể xác của họ, phần chơn thân ra trước, còn phần giả thân thì chỉ thoát khỏi thể xác khi đã hoàn toàn tiêu rụi. Từ nghìn xưa, Hy Lạp giáo và Do Thái giáo cũng đã xác minh hai phần này của linh hồn con người và gọi là linh hồn hữu cơ và linh hồn suy tư (âme organique et âme pensante). Cũng cùng ý nghĩa ấy, La Mã giáo gọi hai phần hồn này là animus và anima. Thánh ngôn Cao Đài giáo còn gọi phần chơn thân nơi con người là Tiểu Linh Quang vốn đã phát xuất từ khối Tâm Linh Vũ Trụ còn gọi là Đại Linh Quang. Không chấp nhận các thuyết duy vật, điển hình là thuyết Darwin, Cao Đài giáo quan niệm sự hiện hữu của linh hồn và thể xác nơi vạn vật theo một tỉ lệ tấn hóa khác nhau: sự tấn hóa này chỉ có nơi linh hồn mà phần thể xác thì vẫn không tấn hóa được vì đã có một tỉ lệ linh hồn khác nhau. Cho nên thảo mộc

thì linh hồn có tỉ lệ tối thiểu đối với thể xác nên chỉ dựa vào mặt đất để sống khoảng 1%, còn côn trùng cảm thú thì tỉ lệ này lên từ 2 đến 98% và cuối cùng con người thì từ 99 đến 100% tùy theo mức sinh hoạt của mỗi dân tộc, do đó mà mọi loài vật đều không giống nhau hay tiến hóa vào nhau. Bởi lẽ đó, khoa học vật lý ngày nay chỉ có thể khám phá con người qua thể xác của họ chứ còn linh hồn thì phải chờ đến ngày nào ngành khoa học tâm linh phát triển mới tính chuyện này được.

Cũng nên minh xác rằng linh hồn con người chỉ theo luật Thiên điều định công chiết tội nơi cõi Vô hình để sẽ được trường tồn nơi đó nếu cuộc sống thể gian của họ không gây nợ nần oan trái và đắc đạo nhiệm màu, hoặc sẽ trở lại thể gian nơi một thể xác khác tùy theo công quả của họ chứ những cảnh hỏa ngục theo các đạo Chúa hay địa ngục theo các đạo Phật đều là giả tưởng để răn tín đồ mà thôi. Nơi linh hồn người chết đang vất vưởng đây đó trong Vũ trụ vì không nơi thờ phụng - chứ tuyệt nhiên không phải dưới đất - Cao Đài giáo gọi là cõi Diêm Phù hoặc tối tăm lạnh lẽo cho những linh hồn tội lỗi, hoặc chan hòa ánh sáng cho những linh hồn không làm gì oan nghiệt tạm thời cho cuộc tái sinh mà thôi. Sự trở về với Thượng Đế chỉ do Con người tự giải thoát những ràng buộc thể gian chứ không phải chỉ do đức tin và lời xưng tụng suông, mà cũng không phải do theo lời phán biểu trước đó của vị Giáo chủ như các giáo thuyết xưa đề ra.

- THƯỢNG ĐẾ: Cao Đài giáo minh xác sự hiện hữu của Thượng Đế cũng gọi là Tâm Linh Vũ Trụ không phải bằng sự quan sát bên ngoài mà tự trong nhân thân của mình. Sự hiện diện của Ngài trong một đại hòa điệu giữa hai Vũ trụ: một Vũ trụ bao la của tinh vân và một tiểu Vũ trụ tế vi của nguyên tử mà đã góp chung vào cuộc sống của sinh vật cho ta một nhận định là nếu không có một Nguyên nhân đầu tiên sáng tạo theo một định luật biến hóa và trường tồn thì Vũ trụ này đã hỗn tạp và tan biến từ bao giờ. Cái giả thuyết tự nhiên mà có hay do con người làm ra thì thật là một luận cứ phạm phũ tự tôn tự mãn mà ra thôi chứ không phải là chân lý vĩnh cửu. Trên lĩnh vực này, chỉ một số các nhà Thông thái đã đề cập đến như một Newton, một Pasteur, một Einstein, nhưng cũng không thể đi sâu vào vấn đề khi khoa học còn giậm chân tại chỗ trước ngưỡng cửa của thế giới Vô hình. Cũng do đó, những người không có khả năng biết rõ thực chất của linh hồn hiện hữu nơi mình thì cũng khó xác định được sự hiện hữu của Thượng Đế. Cho nên, người Tây phương có câu: "Đem nói chuyện Thượng Đế với một người không biết có linh hồn thì chẳng khác gì đem màu sắc nói với một người mù!", vì họ không làm sao hiểu nổi vấn đề. Các Phật tử nên tìm hiểu sự thật về điểm này mà hồi tưởng lại lời của đức Thích Ca đã nói với A Thuyết Thị buổi sinh tiền: "*Vạn hữu phát sinh từ một Nguyên nhân*" mà các sư Tàu đã dịch ra là "Chư pháp nhân duyên sinh, cũng do nhân duyên diệt..." là một luận cứ vô minh chẳng khác gì thứ vô thần của cộng sản với ý thức hệ tam vô vô nhân tính đó.

Trong Cao Đài giáo, Đức Thượng Đế tượng hình bằng "Thiên Nhân" là "Con Mắt Trái mở rộng đầy hào quang" - mà chính tác giả đã ba lần thấy rõ hiện ra về phía trái của mình trong đêm khuya (giờ Tý) vào tháng 11 năm Đinh Hợi 1947 khi sắp thi hành phận sự đồng tử tiếp cơ tại Thánh Thất Trung An như đã kể trên và chỉ một mình tôi biết dù trong buổi đàn có các chức sắc hiện diện - chính là một chìa khóa cho con người lãnh hội cái chân lý Vũ trụ không phải ở đâu xa lạ mà gắn liền trong thân xác mình bởi khi nào con người thấy được bản thể của mình với những thành phần cấu tạo của nó thì tự nhiên cũng sẽ thấy được sự cấu tạo Vũ trụ và con người cùng một nguyên lý mà Thượng Đế là khởi điểm. Không như các tôn giáo xưa chỉ nhìn nhận hoặc phủ nhận Ngài một cách khách quan, Cao Đài giáo với phương tiện cơ bút minh chứng sự hiện diện của Ngài trong mọi cơ cấu Vũ trụ bởi Ngài là nguồn Quang Năng và Động Lực tiềm tàng làm cuộc sống chung từ bao giờ cho đến bao giờ, trong đó các tôn giáo là cơ năng biểu lộ rõ rệt nhất về khả năng cảm nhận sự hiện hữu của Ngài, chỉ có sự chủ quan tự đại của con người mới phủ nhận Ngài mà thôi. Mục đích "Dung hợp Tâm linh

Con người với Tâm Linh Vũ Trụ" quả là một quan điểm khoa học tâm linh của Cao Đài giáo, không phụ họa theo một tôn giáo nào đã có trước mà là một nhận định hoàn toàn độc lập vậy.

-VŨ TRỤ NHÂN SINH: Cao Đài giáo quan niệm Vũ trụ là một ngôi nhà vĩ đại trong đó sinh vật nói chung gồm nhiều chủng loại tại nhiều quả địa cầu khác nhau (thất thập nhị địa) với cuộc sống thích nghi tại tư phương đó. Cho nên, cơ chế Tam Đài của Cao Đài giáo có phần hành riêng biệt mà phụ giải nhau thành một hệ thống Tam quyền phân lập dân chủ bình đẳng chu tuần dưới sự giám sát và điều động của Thượng Đế vốn tự nhận mình vừa là Cha vừa là Thầy chung của Vạn loại. Do đó, ngay khi thành hình ngôi Bát Quái Đài làm điện thờ, Đức Cao Đài đã ban lệnh cho một môn đệ (ông Bính) tạo một quả Càn Khôn hình cầu, đường kính khoảng 3,3 mét, trên đó họa hình Thiên Nhân ngự trên ngôi sao Bắc Đẩu phía trước chính giữa và bao quanh là 3072 vì sao theo sách Thiên văn học Tây phương, một lệnh mang tính khoa học thế gian, và đặt nơi Bửu điện hiện còn tại Tòa Thánh Tây Ninh, còn ngay trung tâm đặt ngọn đèn luôn tỏa sáng gọi là đèn Thái Cực.

Về mặt quyền pháp thì Bát Quái Đài nắm quyền lập pháp như lời Thánh ngôn đã qui định mọi cơ chế trong nền Đạo.

Về Cử Trùng Đài thì gồm chư môn đệ khi hành lễ theo thứ tự phân minh như anh em một nhà. Giáo Tông là Anh Cả, không có chức phẩm nào của thời phong kiến như cha cố hay sư phụ ngồi trên đầu cổ tín đồ, mà mọi sự đều tuân thủ theo Pháp Chánh Truyền do Đức Chí Tôn ban truyền và Tân Luật do các môn đệ đầu tiên thiết lập theo lệnh xét duyệt của Vô hình. Ngôi Giáo Tông cầm đầu Hội Thánh gồm chín bậc Giáo phẩm không phân biệt nam nữ do toàn thể môn đệ bầu lên qua một cuộc tổng tuyển cử, nếu không phải do lệnh của Đức Cao Đài ban cho gọi là Thiên phong. Về mặt quyền pháp thì Cử Trùng Đài giữ quyền hành pháp của đạo.

Về Hiệp Thiên Đài thì có các bộ phận thông công với Vô hình gồm Thập Nhị Thời Quân dưới sự chủ trì của Hộ Pháp, bên cạnh có Thượng Phẩm coi về luật đạo và Thượng Sanh coi về luật đời. Về mặt quyền pháp thì Hiệp Thiên Đài giữ quyền tư pháp của đạo. Mọi vi phạm luật pháp đều không khỏi bị một hình phạt tương xứng để không phương hại đến nhơn sanh qua câu Thánh ngôn: "Hễ có trọng quyền ắt có trọng phạt!", nếu không hữu hình thì sẽ có nơi Vô hình.

- LUÂN HỒI CHUYỂN KIẾP: với sự hiện diện của linh hồn bất diệt như thế, Cao Đài giáo đã cho tín đồ biết sự luân lưu của linh hồn trong Vũ trụ, không phải để chịu nghiệp báo nơi cảnh khổ của thế gian này như Phật giáo hay vì chịu tội tổ tông như Thiên Chúa giáo, mà để thực thi mục đích tấn hóa trở về nguồn cội vô nhiễm tự buổi khai nguyên. Cho nên, đối với tín đồ Cao Đài, cõi đời là một trường khảo hạch cho sự tiến hóa của linh hồn chứ không là gì khác. Do kết quả của sự tấn hóa đó mà linh hồn có thể đi lên với những cảnh giới sáng lạng cao siêu hơn hoặc họ có thể đi xuống những cảnh tối tăm sa đọa hơn hay phải đi vào những thể xác của thú cầm để chuộc tội tiền khiên thì cũng do con người tự tạo ra mà thôi. Đây là một lẽ huyền vi của Tạo Hóa trong luật Thiên điều đã có từ khai Thiên lập Địa. Thượng Đế không buộc một ai phải đi lên hay đi xuống mà tự bản thân con người tự tạo cho mình do hậu quả của công việc tự mình tạo ra. Đây là một định lệ không khác những làn hơi trong không gian, hễ trong lành khinh thanh thì bay bổng vào khoảng bao la, còn nặng nề trọng trược thì phải bị sa sầm vào hang hầm.

Tuy nhiên, vì khi sống không hiền hòa hung bạo thì khi chết linh hồn có thể nhập vào loại cầm thú mà tác giả đã từng nghe biết cụ thể trong sách Văn Hóa Sử Cao Đài như sau: Tại Hội An tỉnh Quảng Nam có một gia đình người Việt gốc Tàu. Về già, khi người chồng chết, con chó cái trong nhà đẻ một chó con. Khi chó con vừa lớn, nó hay ăn những thức ăn của ông chủ và thường nhảy lên ghế nằm nơi ông hay ngồi. Bà chủ nhà thấy vậy mới nhìn chó nói: "Buổi sinh tiền, ông có giữ một số vàng, nay tôi cần chia cho các con một ít để chúng làm ăn mà tôi

tìm mãi không thấy, vậy ông cất đầu cho tôi biết chứ nay mai tôi theo ông thì gia sản mình kè như không còn gì nữa!”. Thế là con chó nhìn bà chủ và nhảy xuống đất cắn vào chân quần bà và kéo ra vườn, đến một gốc cây chân quào xuống đất và số vàng kia hiện ra trước mắt bà chủ. Sự kiện chứng minh sự luân hồi chuyển kiếp một cách cụ thể chứ không phải huyền thoại như nơi các cự giáo...

Cho nên, Cao Đài giáo không hoàn toàn tin tưởng vào sự tưng niệm mà không thực hành theo lời kinh kệ có khác gì cứ tin vào lời phán dạy của Bề Trên mà tánh phàm không cải thiện thì khi chết có làm sao về tới các Ngài được.

- **NHÂN QUẢ:** luật nhân quả theo Phật gia khởi đoan từ nghiệp báo mà nghiệp báo là tích lũy những tiền khiên túc trái nơi con người. Nói thế chẳng khác gì Cơ Đốc giáo bảo con người chịu tội tổ tông nên nếu không chịu làm phép rửa tội thì không làm sao về với Chúa được. Cả hai đều vô tình phạm vào giá trị nhân bản của con người vốn được kết tụ từ một thể xác tinh anh với một tâm linh vô nhiễm tự buổi khai nguyên. Tội lỗi chỉ đến nơi một nhân thân bị lôi cuốn bởi vật dục từ buổi tiếp xúc với thế giới bên ngoài chứ không phải tự họ tạo ra những cám dỗ đó. Cho nên những hình thức tôn giáo chỉ có tính cách ràng buộc theo giáo điều do các giáo phẩm lãnh đạo mà quên đi rằng họ cũng thân phạm xác tục như ai thì làm sao có đủ quyền pháp làm được những điều đó, như thế có khác gì các tay phù thủy chỉ làm cái công việc ma đưa lối quỷ đưa đường mà thôi. Chả thế mà ngày tận thế không sao tránh khỏi khi các thế lực cứu độ kia đã mất đi phần diệu dụng và khi con người càng ngày càng bị vật dục say mê mà làm mất đi phần nhân tính cố hữu của mình.

Một sự thật hiển nhiên mà cho dù lương hay giáo, ai ai cũng thấy rõ là hễ trồng dưa thì hái dưa, trồng đậu thì hái đậu mà kết quả tốt xấu là do công phu vun trồng của người thôi, không một đệ tam nhân nào xen vào công việc này được. Cho nên người Cao Đài giáo không xem các giáo phẩm như là những ân huệ ban phát cho mình điều gì mà chính người tín hữu phải tự mình làm nên những phần thưởng mà mình được hưởng theo luật Thiên điều, mà khoa học dù có khả năng đến đâu cũng không khám phá ra được gì ngoài định luật và đặc tính thiên nhiên sẵn có của vạn vật. Một sự kiện mà từ nghìn xưa không hề có nơi các cự giáo là đám tang một người tu Vô Vi của Cao Đài giáo khi sống đã biết mình là ai và khi liễu đạo đã biết mình về đâu nên không cần có câu kinh tiếng kệ tụng niệm đưa tiễn, điển hình nơi đức Ngô Minh Chiêu đã minh xác điều đó.

- **THỜ PHỤNG:** từ nghìn xưa, các cự giáo đều thờ phụng ngôi vị Giáo chủ mình bằng các cốt tượng, nhưng Tam Kỳ Phổ Độ thì các cốt tượng không còn thích nghi nữa. Cho nên đức Ngô Minh Chiêu đã được Đức Cao Đài hiện ra Thiên Nhân (Con Mắt trái) và hình Nhựt Nguyệt Tinh thẳng hàng phía dưới trong một họa phẩm để thờ trong phần Vô Vi. Trong khi đó, khi hình thành cơ Phổ Độ, Đức Cao Đài đã cho thiết lập một quả Càn Khôn bằng thủy tinh như đã nói trước nhân ngày Lễ Khai Đạo 15-10 Bính Dần (1926) thì cũng đượm màu Thiên văn học như nhau, dù một bên chỉ là hình vẽ trên giấy một bên cụ thể hóa bằng quả Thiên cầu hiện còn nơi Bửu điện Tòa Thánh Tây Ninh.

Kết Đề: Dưới tầm nhận định khoa học trên đây, Cao Đài giáo đã không phủ nhận công khai phá của các nhà Thông thái mà còn khuyến khích họ đi vào lĩnh vực tâm linh để bắt đầu gặt hái được những thành quả lớn hơn. Cho nên, với cái nhìn khách quan vô tư của họ thì Cao Đài giáo không phải là mê tín dị đoan hời hợt, mà muốn cho hiểu tường tận mọi vấn đề, họ phải đi tìm các di tích làm sử liệu cho khoa tôn giáo học trên toàn thế giới thì mới xác định được. Cái thái độ tự kiêu xem thường của hàng giáo phẩm qua việc phủ nhận những khám phá của các nhà Thông thái, những người đã đóng góp công trình vào cuộc sống nhân sinh mà nền văn minh nhân loại ngày nay đã thụ hưởng dù chỉ trên lĩnh vực vật chất cũng đáng cho nhân loại tôn thờ như những Thánh nhân, là một thái độ chủ quan đáng trách. Rất may vụ

án Galiléo chỉ xảy ra một lần vào năm 1633 tại Vatican trong lịch sử nhân loại cũng đã đủ làm bằng chứng cho sự ngạo mạn đáng trách này!

Nhưng dù sao, Cao Đài giáo đã làm nên một hiện tượng mới đi vào tâm thức của con người cần cho một tương lai xán lạn hơn hôm nay. Đó chính là nền tảng cho một xã hội hòa bình văn minh vào thiên niên kỷ thứ ba với nền khoa học tâm linh vậy.

Hội Văn Hóa Cao Đài - Đồng Tân Trần Thái Chân

BÀI 3:

CAO ĐÀI GIÁO DƯỚI CÁI NHÌN CỦA NHÀ XÃ HỘI HỌC

Nhập Đề: Nói đến xã hội học tức là nói đến một khoa học về những hiện tượng xã hội do Auguste Comte (Pháp 1798-1857) khởi xướng ra khi ông chủ trương thuyết thực nghiệm và cho rằng công cuộc sưu tầm chân lý từ nghìn xưa đã qua các giai đoạn:

- Thần học có tính cách thần bí hoang đường.
- Siêu hình thuộc kinh viện không căn cứ.
- Thực nghiệm do những khảo sát các định luật thiên nhiên từ kinh nghiệm đem lại. Câu châm ngôn là: "Chỉ có một phương châm tuyệt đối, đó là không có gì tuyệt đối cả!" (*Il n'y a qu'une maxime absolue, c'est qu'il n'y a rien d'absolu*).

Theo định nghĩa này, khoa xã hội học đã là đề tài của hầu hết các quốc gia trong tinh thần cải tiến cuộc sống nhân loại, chẳng hạn như ở Đức, nó trở thành một ngành nghiên cứu các thành phần lý tưởng của sinh hoạt xã hội (Max Weber). Ở Mỹ, nó được suy thành công thức Xã hội học = IBM + thực tại + nhân bản (Sociologie = IBM + réalité + humanisme). Ở Nga, nó là một bộ môn khoa học về các hiện tượng xã hội hoàn toàn độc lập đối với các trào lưu khác. Ở Pháp, nó xâm nhập vào các khu đại học và tạo thành những môi trường hoạt động xã hội quốc gia rất tích cực. Nhưng, dù sinh hoạt có khác nhau thì hầu hết các quốc gia đều đồng ý rằng xã hội học là một nền "khoa học của con người" (science de l'homme) và chính nơi con người mà nó luôn luôn tìm tòi để hiểu biết xuyên qua những chế độ đã hình thành.

Cũng cần minh xác rằng A.Comte tuy đã đặt ra danh từ xã hội học nhưng ông không phải là nhà khai sáng ngành học thuật này. Sở dĩ như thế là vì từ nền văn minh Cổ Hy Lạp, Platon (Hy Lạp 428-328 trc TL) với quan niệm con người tạo nên xã hội do những cuộc đại biến thiên nhiên buộc họ không thể sống riêng rẽ; và sau đó, Aristote (Hy Lạp 384-322 trc TL) đã diễn đạt xã hội là một hệ thống bao gồm trong danh từ "chính trị" (politique) có gốc poli = cité (trú khu). Trong những thế kỷ gần lại đây, các triết gia như Jean Jacques Rousseau (Pháp 1712-1778) với khái niệm về "nhân dân" có thể suy diễn như một khế ước giữa những người dân với nhau.

Trong khi đó, Đông phương có quan niệm "xã tắc" lập vị từ Khổng Khâu (510 trc TL) đến Mạnh Tử trong câu: "*Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh*" cho thấy một ý thức xã hội tiến bộ từ thể chế quân chủ sang dân chủ trong quần chúng thời bấy giờ mà một cá nhân dù có tính cách tiêu biểu bao nhiêu (vua) cũng không thể xem như đại diện cho tập thể (dân) được. Do đó ngày nay, quan niệm con người cá nhân khác với con người tập thể bởi cái lương tâm tập thể trội hơn cái lương tâm cá nhân. Trên bình diện này, khoa xã hội học tân tiến chủ trì mọi cuộc nghiên cứu về mọi chế độ xã hội và các cách thức mà những chế độ ấy đã sinh hoạt và thực hiện bởi những người thuộc một tập thể trong các phạm trù kinh tế, xã hội, tôn giáo, đạo đức, theo đó nghệ thuật, ngôn ngữ, giáo dục nhân bản được thông thuộc thành những hiện tượng xã hội toàn bộ để được gọi là khoa xã hội học hay khoa học về con người như đã nói trên.

Chính Đề: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ với danh xưng qui định một kỷ nguyên mới trong lịch sử nhân loại, ngoài phần tu kỷ bản thân (nội giáo), còn đặt cuộc sống nhân bản trong xã hội là mục tiêu chính của đường hướng xây dựng xã hội cách thế nào cho nhân loại giác ngộ được những sai thù trong nhận định cũng như trong hoạt động ngày qua mới có thể hoàn thành sứ

mạng của mình trước nhu cầu của đại cuộc nhân sinh đang đòi hỏi một sự cứu độ thích nghi trong hoàn cảnh nước sôi lửa bỏng này.

Và chẳng, xã hội học là một khoa học về con người, vì con người mà có, cũng do con người mà nên thì tất cả mọi sinh hoạt chu tuần chung quanh cuộc sống của con người cũng theo đó mà được cải thiện toàn bộ, không thể tách rời để phân loại mà tất cả phải tụ lại như một đích chung dưới quan điểm của Cao Đài giáo như sau:

VỀ LÝ THUYẾT: có thể nói từ nghìn xưa, con người đã là một động cơ cho công cuộc tân hóa của sinh vật trên mặt địa cầu, nếu không muốn nói là cho riêng giống người mà thôi. Con người, hay nói cho đúng là những mẫu người đầu tiên trên mặt đất, trong những môi trường hoạt động riêng rẽ ở từng tư phương đã có những điểm tương đồng trong sinh hoạt, không phải thuộc loại bản năng thuần túy như cây cỏ hay thú cầm mà đã do một não bộ khai thông những thắc mắc trong cuộc sống để từ dã man bộ lạc đi đến quốc gia văn minh tiến bộ, biến đổi từng thời kỳ bộ mặt địa cầu, khiến cho những gì cũ kỹ xa xưa đã trở nên lỗi thời nếu không phải tự nhiên tàn lụn theo thời gian.

Một sự thật không chối cãi là cho dù con người có khả năng thiên phú lỗi lạc bao nhiêu, họ cũng không thể kéo thời gian đi ngược lại, cũng có nghĩa là họ không thể đi lùi lại trong không gian để bước lại những bước đi của người tiền sử. Do đó mà càng theo dần với thời gian, loài người càng tạo nên những công cuộc khai triển mới, tuy không khỏi những căn bản đã có nhưng mang những hình thái mới thích nghi với cuộc sống của họ hơn.

Đồng thời một cá nhân hay một tập thể có tính đơn độc không làm sao đi đến được cái thế giới ngày nay trong khung cảnh năm châu chung chợ bốn biển chung nhà này. Công trình khai sáng cho đến ngày nay phải nói là đã do bao nhiêu là khối óc, bao nhiêu là con tim, bao nhiêu là bàn tay chung đúc lại, khiến cho không cần ra khỏi mặt đất này, con người cũng đã thấy được cảnh bồng lai xán lạn hoặc cảnh địa ngục u trầm để về mặt vật chất, họ cũng thấy tự mãn lắm rồi nếu chỉ nhìn phiến diện về một nền văn minh vật chất ngày nay.

Tuy nhiên, một sự bất lực rõ ràng của con người giữa xã hội hiện nay là sự tạo nên một thế quân bình chung cho cả cục diện thế giới loài người. Bên cạnh những siêu cường trọc phú của Âu Mỹ thì vẫn có bao quốc gia chậm tiến Á Phi đang chịu cảnh nghèo đói khốn cùng mà bản liệt kê của Liên Hiệp Quốc từ hai thập niên qua đã nói đến con số 500 triệu dân cùng khổ thiếu dinh dưỡng trên mặt địa cầu đang làm nhức nhối tâm trường của những nhà xã hội học.

Thời xưa, sự mất thế quân bình của một quốc gia lôi cuốn cả đà suy sụp cho một lục địa; ngày nay, chính sự mất thế quân bình của thế giới kể trên làm cho các phe siêu cường tha hồ thao túng lôi cuốn thiên hạ vào cơn khủng hoảng trầm trọng bởi phe nào cũng muốn bành trướng thế lực của mình mưu đồ áp đảo đối phương trên hai phương diện QUYỀN và LỢI. Mầm mống của sự tranh giành thế lực này không phải chỉ vì muốn thôn đoạt thế lực của ngôi "Thiên tử" như các vua chúa ngày xưa cũng như trò lừa đảo nhân dân để tước đoạt thành quả vô sản của cộng sản ngày nay mà chính là sự phô trương thanh thế giết người hàng loạt của các tay lãnh đạo cho dù dân chúng có công phần trong tình cảnh đen tối đến đâu. Đó là một hiện tượng làm đảo lộn tính chất văn minh của xã hội từ nửa cuối thế kỷ XX này mà kẻ thắng cũng như người bại đều đi đến con đường tiêu hủy nhân tính như nhau mà Liên Hiệp Quốc chỉ là sân khấu cho hai phe tranh cạnh khi biện pháp hòa giải chỉ có trên giấy tờ mà mạnh ai nấy bảo thủ cho phe mình với cái quyền phủ quyết kia mà thôi. Vai trò tôn giáo ngày nay đã không có tác dụng trong toàn khối nhân loại mà có khi còn bị mượn làm thế cực đoan quá nhiều với chiêu bài "Thánh chiến" để mưu thế chính trị cho tôn giáo khi tôn giáo ở vào thế ngoại lai cưỡng đoạt quyền lợi của quốc gia đó bởi hàng giáo phẩm cuồng tín kia chỉ muốn lợi dụng giáo điều phạm tục có tính giai đoạn của Giáo chủ mà đem ra làm phương sách xâm lược chủ quan cho mình như một Pakistan, một Algérie...

Nói cho rõ thì từ nghìn xưa, loài người đã sống trong bầu không khí tôn giáo. Tuy nhiên nếu trải qua các thời Nhứt Kỳ, tôn giáo còn mang sắc thái xã hội tích cực do thế lực của Thần quyền quảng đại từ căn bản của yếu tố Thiên thì đến thời Nhị Kỳ, tôn giáo chỉ có tính cứu rỗi ban đầu khi còn các Giáo chủ tại thế nhưng sau đó vì tính kỳ thị của môn đồ đã biến các tôn giáo thành những thế lực nhân tạo - yếu tố Nhân bị phạm tục hóa - để bảo thủ cho tôn giáo mình mà sinh ra lắm tệ đoan như các trận giặc 100 năm tại Âu châu rồi các cuộc tranh chấp tôn giáo khắp nơi như ở Trung Đông, ở Ái Nhĩ Lan, ở Ấn Độ, nhất là ở các nước có Hội giáo mà các nạn cuồng tín cực đoan đang là mối nguy cơ cho công cuộc tiến hóa nhân loại, thậm chí làm trò cười để thiên hạ nhìn vào tôn giáo như một tuồng diễn xuất không khác trò ma thuật của thế gian là bao nhiêu.

Như vậy, phải chăng đây là một sự thất bại của tôn giáo: Thay vì là phương tiện Thần Thánh cứu độ của Giáo chủ thì tôn giáo lại trở thành thế lực ma quỷ từ các giáo phẩm và lôi kéo tín đồ chạy theo bạo lực thì chắc không khỏi sự tự diệt như chế độ sắt máu của cộng sản với chiêu bài đại đồng thế giới bằng cách "giải phóng các dân tộc bị áp bức" nhưng chỉ là trò thực dân xâm lược mới mà thôi. Nhưng, may thay, Đấng Thượng Đế chủ trì sự cứu thế từ khai Thiên lập Địa vốn giàu đức hạo sanh không muốn cho nhân loại phải cơ tự diệt nên Ngài đã giáng trần thức tỉnh nhân loại trước thềm thiên niên kỷ thứ ba với các tiêu chuẩn như sau:

- Con người vốn có linh hồn vô nhiễm tự buổi khai nguyên không mang theo nghiệp chướng hay tội tổ tông gì cả bởi không ai còn mang thân phàm xác tục dưới thế gian này mà ban ra các giáo điều khắt định từ nguyên thủy như thế này hay thế khác mà tất cả vào thời điểm khai nguyên chỉ do Đấng Chúa Tể hay khối Tâm Linh Vũ Trụ gây dựng nên mà thời tiền sử cũng không dấu tích gì cụ thể nên mọi giả thuyết vào thời này đều là ấn tượng cho một tín ngưỡng tự đặt ra có tính chủ quan cho tôn giáo mình trong sự tôn sùng các hàng giáo phẩm mà thôi, không có giá trị nhân bản.
- Nhân loại vốn gồm các màu da sắc tóc khác nhau từ nghìn xưa không biến đổi, chúng ta nhân loại đã từ các Tổ tông khác nhau mà ra chứ không phải từ một Abraham hay một nhân vật nào, mà nguyên lý căn nguyên là một Tâm Linh Vũ Trụ biến thành các sắc dân còn đến ngày nay, dù chỉ một số ít như dân tộc thiểu số vẫn tồn tại trên khắp các quốc gia không đâu là không có.
- Xã hội loài người đã kể tục từ man khai đến bộ lạc rồi thành hình quốc gia với gia đình làm nền tảng mới đi đến an cư lạc nghiệp để mưu đồ hạnh phúc chung. Nếu lấy cá nhân hay một tập thể làm động lực cho sự thành hình xã hội thì là đi ngược lại tiến trình xây dựng xã hội loài người chỉ gây hậu quả tai hại cho xã hội mà thôi.

Trên tinh thần xây dựng thích nghi với tiến trình nhân loại ngày nay, cần nhắm vào ba yếu tố căn bản:

- Tư tưởng vốn là động cơ tự giác nơi con người phải được nuôi dưỡng lành mạnh.
- Tâm linh vốn là phần tạo nên con người phải được ý thức và vun bồi cho minh mẫn.
- Vật chất vốn là nguồn dinh dưỡng thân xác phải được thực hiện và trang trải đồng đều, không ai quá nghèo đến nỗi phải vất vả mà cũng không ai quá giàu để phung phí tài nguyên thiên nhiên vốn là của chung thiên hạ.

Trong thời điểm hiện tại, Cao Đài giáo nêu ra ba nguyên lý căn bản:

- NHÂN SANH là nguyên lý truy hoàn giá trị những công cụ vật chất đóng góp vào cuộc sống của con người ở mức tối cần cho một nhân thân mà không ai chịu thiệt thòi khi tất cả đều sinh ra với cơ năng không khác nhau. Không ai là không đói khát trong tình cảnh nghèo túng thì cũng không ai quá dư giả mà có quyền bỏ quên những kẻ vì hoàn

cảnh phải sa sút hơn mình. Thượng Đế ban cho con người ai cũng như ai chính từ nguyên lý này.

- **NHÂN ĐỨC** là nguyên lý phục hồi giá trị hiện hữu của thành phần cấu tạo nơi con người vốn đã bị phủ nhận hay xuyên tạc làm mất đi tính chất tốt đẹp trường cửu có sẵn trong một nhân thân nên cần phải được nuôi dưỡng bằng đạo đức vốn là những khuôn vàng thước ngọc cho sự tiến hóa một nhân thân mà các lối giáo dục từ chương kỹ thuật vật chất từ xưa nay đã tạo cho con người một thể mất thăng bằng trong cơ cấu xã hội khi con người vốn do hai yếu tố **TÂM** và **VẬT** bằng nhau, tạo nên từ buổi khai nguyên.³
- **NHÂN TRÍ** là nguyên lý hoàn nguyên tư tưởng con người vốn là thành phần tổng hợp từ hai yếu tố tâm linh và thể xác của một nhân thân từ khi bắt đầu cuộc sống trên thế gian này. Do đó, nếu chỉ có sự học hỏi nhà trường như từ xưa nay thì chỉ đem lại trí thức về ngoại giới cả đến bản thân mình cũng chỉ những cơ năng của một bộ máy vận hành mà thôi. Cho nên, trí thức con người cần phải tìm biết trong nội tại của mình như ngày xưa Socrate (Hy Lạp 470-399 trc Tl) đã nói: "Gnothi Seauton" (Hãy tìm biết mình đi) để có khả năng thấu đáo cơ mầu Vũ trụ. Cho nên sự dôi luyện trí não cho mình mãi cũng cần như sự học hỏi ở nhà trường hàng ngày.

VỀ THỰC HÀNH: Trả lời các câu hỏi trên đây, tức là phần thực hành lý thuyết xã hội học trong Cao Đài giáo.

Trong hầu hết các Thánh ngôn từ trước nay còn lại được tìm thấy trong Cao Đài giáo không hề có các danh từ Nhân Sanh, Nhân Đức, Nhân Trí. Tuy nhiên, nếu đem những lời Thánh ngôn ra mà áp dụng vào cuộc sống thực tế thì các danh từ ấy phải có để nói lên tính chất xây dựng toàn bộ con người của Cao Đài giáo. Đó là tinh thần xây dựng gia đình và các mặt xã hội mà không nhà xã hội học nào không đề cập đến.

Đầu tiên, đối với gia đình vốn là trọng tâm của xã hội thì trong lời xưng hô của Đức Cao Đài vừa là Cha vừa là Thầy của vạn loại, người tín hữu nhận rõ tinh thần gia đình đã bộc lộ một cách rõ rệt. Cha là trụ cột của gia đình cũng là người đào tạo ra các thế hệ con cháu. Đức Cao Đài là Cha chung của nhân loại, chính là một ý niệm thế giới là một đại gia đình mà người tín hữu phải xem loài người bất cứ ở đâu trên mặt đất đều là anh em, phải xem nhau như trong một nhà lấy tình tương thân tương ái hòa mục mà đãi nhau. Đồng thời, Đức Cao Đài cũng cho thấy thời Tam Kỳ Phổ Độ là chuyển tiếp các thời trước Nhứt và Nhị Kỳ Phổ Độ cũng có nghĩa là một tiến trình xây dựng duy nhất trong lịch sử nhân loại mà Đức Cao Đài là bậc Thầy có công trình giáo hóa toàn bộ trong đó tự nghìn xưa đến nay. Phải chăng, đây là những sự kiện chỉ có trong lý thuyết mà lại là một thực tế đã có trong lịch sử Việt Nam qua các triều đại Lý Trần với tình hòa ái gia đình còn ghi lại những nét vàng son trên trang thanh sử Việt. Đồng thời ngôi đình làng là nơi thờ vị Thành Hoàng Bồn Cảnh thay mặt cho Trời để lo cho mỗi địa phận đã phát xuất từ ấy đến nay, tạo nên môi trường sinh hoạt tín ngưỡng chung cho mọi lớp dân làng không phân biệt lương giáo, phải chăng đó là tiền thân của ngôi Thánh Thất Cao Đài hiện nay là nơi thờ phụng Đức Cao Đài tức Đức Thượng Đế mà truyền thống Đạo học Đông phương đã để lại trên mảnh đất này? Và phải chăng người tín hữu Cao Đài vốn đã tiếm nhiệm truyền thống hòa mục huynh đệ ấy đến nay được khơi động lại nơi Thánh Thất Cao Đài mà tình linh sơn cốt nhục đã được người tín hữu Cao Đài ở các chi phái thường xem nhau như một nhà cho dù những thành kiến tư phương lãnh tụ xâm nhập không ít trong tư tưởng giới của họ?

³ Xin xem sách *Bản Thể Luận*, Đồng Tân, tái bản lần 1, 1998.

Trong khi đó về mặt xây dựng xã hội, ngay từ buổi đầu khai giáo, Đức Cao Đài đã thành lập Tam Đài, Cửu Viện trong Tòa Nội Chánh phần Phổ Độ. Tam Đài là ba ngôi ứng với Tam Tài Thiên Địa Nhơn theo truyền thống Đạo học Đông phương. Theo đó, Bát Quái Đài ứng với Thiên, Cửu Trùng Đài ứng với Địa và Hiệp Thiên Đài ứng với Nhơn, cũng có nghĩa Con người là trung gian giữa hai lĩnh vực Tâm linh (Thiên) và vật chất (Địa) mà Đạo học Đông phương gọi "Nhân Thân Tiểu Thiên Địa" là ở điểm này.

Cho nên, trong Tòa Nội Chánh của Hội Thánh có cơ quan Cửu Viện đặt dưới quyền điều động của ba phẩm Chánh Phối Sư chủ trì mọi sinh hoạt xã hội của nhơn sanh, chẳng hạn như Hộ viện, Lương viện, Công Nông viện dưới quyền của Thái Chánh Phối Sư; còn Nội Ngoại giao viện, Học viện, Y viện dưới quyền của Thượng Chánh Phối Sư; và Lại viện, Lễ viện, Hòa viện dưới quyền của Ngọc Chánh Phối Sư theo các văn thư đã có từ trước 1931 tại Tòa Thánh Tây ninh.

Khi cơ đạo được truyền bá ra Trung Bắc Việt thì từ 1937, tại Cơ quan Truyền giáo Trung Bắc Việt Nam, Đạo trưởng Huỳnh ngọc Trắc, quản lý Học viện tại đây có nêu lên ba nguyên tắc: Dân sanh (dân no ấm), Dân trí (dân khôn ngoan) và Dân đức (dân đạo đức) làm thành ba cơ quan gọi chung là Tam Dân Cửu Viện. Ông đã hô hào thanh niên tín hữu tham gia vào công cuộc phát triển này một cách mạnh mẽ và cho đây là một giải pháp tân kỳ nhất cho công cuộc phổ độ chúng sanh trên căn bản tạo lập nền thịnh vượng hòa bình hạnh phúc chung cho xã hội nhân loại. Soạn giả bài này nghĩ rằng vấn đề đã bị xuyên tạc thành một cơ cấu chính trị do những người thiên cận bày ra bởi chữ "dân" được hiểu theo nghĩa Tam dân của Tôn Văn (dân sanh, dân tộc, dân quyền) có tính thời thượng lúc bấy giờ mà cụ Huỳnh vốn chịu ảnh hưởng rất nhiều qua các tác phẩm của các nhà Cách mạng Dân chủ Trung Hoa như Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu chẳng?

Bởi lẽ đó nên Đồng Tân đã tu chỉnh thành thuyết Tam Nhân thay vào danh từ Tam Dân vậy.

Nhưng khi đề cập đến một cuộc sống xã hội đại đồng hạnh phúc mà cảnh năm châu chung chợ bốn biển chung nhà thời văn minh vật chất hiện nay phải được thể hiện một điều kiện tâm linh mới thực hiện được tính đại đồng vô biệt từ nguyên lý đạo học Vạn Giáo Nhất Lý. Nguyên lý này đã được Cao Đài giáo khơi mào từ bản Tuyên ngôn Khai Đạo ngày 7 tháng 10 năm 1926 mà chính phủ thuộc địa đã biết qua Thống đốc Le Fol, trong đó có dẫn chứng thời thái bình ngày xưa với cuộc sống '*gia vô bế hộ lộ bất thập di*' đã không còn do nạn cự giáo tạo ra cần phải phục hồi lại với chu kỳ Đại Ân Xá Kỳ Ba nay là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Cho nên nền đại đồng vô biệt này đòi hỏi nhân loại phải sống như trong một đại gia đình không kỳ thị chủng tộc phái tính, tất cả đều là anh em bình đẳng với người chỉ giáo là Anh Cả khi hàng giáo phẩm cả nam lẫn nữ được gọi là Anh Chị Lớn mà Đấng Giáo chủ Thượng Đế vừa là Cha vừa là Thầy của sanh chúng. Có được như thế thì nhân loại mới hưởng cảnh đại đồng vô biệt mà bản Tuyên ngôn Khai Đạo đã nêu ra vậy.

Kết Đề: ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ mới khai sinh chưa quá 3/4 thế kỷ. Một hài nhi chưa thể báo hiệu được đủ tư cách của tuổi trưởng thành. Vấn đề giáo thuyết Cao Đài vẫn còn quá sớm để mình định tất cả khía cạnh tư duy xây dựng đầy đủ của nó. Khoa xã hội học bắt nguồn từ một nhân sinh quan thế tục nhưng đã có một tác dụng cải tạo thích nghi cho cuộc sống nhân loại không thể không đề cập đến khi đi vào công cuộc tồn vong của nhân loại mà không qua ngã chính trị thuần túy. Đó chính là điều mà người tín hữu Cao Đài phải tìm hiểu trong tư thế của con người giữa xã hội với tinh thần vô tư câu học, hầu đóng góp phần nào cho công cuộc xây dựng lại mọi cơ cấu xã hội đang bị ngọn trào dâng vật chất làm mất thế quân bình đi để khỏi là những kẻ bàng quan trước mối nguy cơ của nhân sinh hiện tại.⁴

⁴ Xin xem sách *Lịch sử Cao Đài Giáo, Quyển II: Phần Phổ Độ 1- Khai Giáo Nam Kỳ, Đồng Tân, 2010*.

Nói tổng lại, có sống trung thực trong tinh thần xã hội theo tôn chỉ Cao Đài giáo thì nhân loại mới cảm nhận đây là một đại gia đình mà Đấng Hóa Công tá danh Cao Đài vừa là Cha vừa là Thầy, nhân loại mới thực nghiệm nền đạo lý từ ngàn xưa với nguyên lý trung dung quán nhứt bao gồm chân thiện mỹ và mọi ý thức về công bình bác ái cùng tự do bình đẳng không kỳ thị phái tính, điều mà các xã hội từ nghìn xưa vẫn chưa thị hiện được. Một nền đại đồng vô biệt sẽ đến trong chu kỳ văn minh nhân loại với TAM KỲ PHỒ ĐỘ trong tương lai khi nhân loại ý thức Đấng THƯỢNG ĐẾ là khối Đại Linh Quang có thật đang đến với Tiềm Lực Thiên Nhiên bao gồm hai khối QUANG NĂNG và ĐỘNG LỰC vậy.

Hội Văn Hóa Cao Đài - Đồng Tân Trần Thái Chân

BÀI 4:

CAO ĐÀI GIÁO DƯỚI CÁI NHÌN CỦA NHÀ CHÍNH TRỊ HỌC

Nhập Đề: Chính trị học nguyên nghĩa là khoa học cai trị của một quốc gia (chữ politique có gốc polis=cité và techné= science). Do đó về lý thuyết, chính trị là một khoa học về trú khu hay cư dân từ đó việc cai trị có thể ứng dụng bằng hành động. Nói cách khác, về lý thuyết, chính trị là công trình của những khả năng hoạch định cái lý tưởng do những chuyên viên về mọi mặt: luật pháp, lịch sử, kinh tế, không phải dưới sự hướng dẫn của chính trị gia có quyền hành trong tay mà do các triết gia khởi xướng (theo Platon). Về thực hành, chính trị gồm trong sự quản trị những sự việc của một quốc gia tùy theo một lý tưởng hay chủ nghĩa vạch định. Sự quản trị này đòi hỏi những quyền hành chuyên môn rất xác thực (tài chánh, kinh tế, giáo dục...). Nói thế có nghĩa là khoa chính trị học bao gồm một triết lý mà các khuynh hướng xưa và nay không hề giống nhau. Theo Jean Jacques Rousseau, tác giả cuốn Khế Ước Xã Hội (Contrat Social, Pháp, 1762) thì khoa triết học chính trị nhằm mục đích tìm hiểu hành động của con người trong lịch sử gồm hai tầm nhận định:

- Suy diễn tất cả những sự kiện xã hội và nhân sự ở tầm mức toàn diện của một xứ sở.
- Khai triển từ đó một ý nghĩa xác thực của lịch sử có thể soi sáng nhân loại và qui định một hình thái đầy đủ cho sự dẫn thân một cách sáng suốt.

Với tinh thần xây dựng hiện nay, muốn đi đến một đường hướng cải tạo xã hội trong mục tiêu sinh hoạt cố hữu của con người, các nhà chính trị phải lấy đó làm căn bản cho hành động của mình, cách thế nào cho cuộc sống của xã hội loài người hiện thực được giá trị cố hữu của họ theo dòng lịch sử với công khai hóa của người xưa tô bồi bằng những sáng chế của người đương thời trong niềm hòa mục được khai triển từ thiên nhiên mà không ra ngoài những nề nếp nhân bản. Đó chính là tất cả những gì mà khoa chính trị học phải chú trọng nếu không muốn bị đầu cơ theo những giáo điều của các chủ nghĩa duy tâm hay duy vật phiến diện.

Ta cũng có thể tóm tắt định nghĩa của khoa chính trị học như sau:

Chính trị học = sử học + khoa học + xã hội học.

Như thế, muốn trở thành một chính trị gia có khả năng quản chúng, thì phải là người thông suốt lịch sử nhân văn địa lý đồng thời phải có óc tìm hiểu ôn cố tri tân cũng như phải có tinh thần xây dựng tốt đẹp như một gia trưởng có bốn phen với dân chúng như trong một đại gia đình. Nếu không có đủ các phẩm hạnh đó thì chỉ là một công cụ bù nhìn cho một quyền lực mờ ám nào đó mà thôi.

Và với định nghĩa mới này, ta hãy đi vào chính đề để tránh những ngộ nhận do thể thường quan niệm biến khoa chính trị học thành một mưu mô thủ lợi bởi những tẻ đoạn của các chủ thuyết cường bạo gây ra hiện thời.

Chính Đề: phải nói rằng lịch sử nhân loại đã bao gồm trong hai sinh hoạt chính: tôn giáo và chính trị thường đã giẫm chân nhau trên bước đi vào xã hội nhân quần mà những dấu vết còn để lại khá sâu đậm trên bước hành trình nhân diễn đã qua không nơi nào không thấy có. Bởi thế, sinh hoạt tôn giáo cũng có nghĩa là sinh hoạt xã hội trên tầm mức chính trị trong mục tiêu xây dựng nền hòa mục đại đồng hạnh phúc chung mà tôn giáo thường đề ra cho nhân loại khi mà các cuộc đấu tranh xô xát đẫm máu cũng do tính chủ quan của tôn giáo mình mà ra. Ta hãy lần lại lịch sử nhân loại từ nghìn xưa để biết rằng một khoa chính trị học đã được xây dựng từ cách đây khá lâu và xã hội ngày hôm nay minh chứng cho một sự tiến bộ của con người mà thiết tưởng dù ngộ nhận đến đâu cũng không thể phủ nhận tính quật khởi của con người trước những thành kiến thần quyền của tôn giáo qua lịch sử.

Tại Hy Lạp, các cơ chế chính trị đã thành hình khác nhau theo những quan điểm của các triết gia thời xa xưa. Xã hội loài người cho dù mới được thành hình không thể xem như xã hội của cầm thú như loài ong, loài kiến với mức bẩm sinh cố hữu, mà chính loài người đã tự tạo ra những mẫu xã hội thích dụng cho mình, cho một quần chúng có hai chân, không lông, không sừng nếu nói theo Platon ((427-348 trcTl) - *Politique de Platon*) hoặc cho một nhóm người mà định nghĩa là con vật chính trị từ thiên nhiên mà có nếu nói theo Aristote ((384-322trcTl) - *Politique d'Aristote*) bởi theo hai ông: "quốc gia là con người ở mức to lớn hơn hết" (*L'état, c'est l'homme en plus grand – La République de Platon*).

Nên biết rằng các nhận định chính trị trên đây là phần căn bản nhất mà trình độ dân trí của bất cứ quốc gia nào trên mặt địa cầu này cũng dừng lại ở đó bởi mọi thể chế đã được nêu lên từ quân chủ dân chủ cho đến cộng sản tuy không khỏi có những quan điểm ảo tưởng mà người Tây phương gọi là "utopie" mặc dù đó chỉ là những đề xướng quá sức người bởi lịch sử nhân loại đã chứng minh từ hơn 2000 năm nay mà sách *La République* (Nền Cộng Hòa) của Platon nằm gọn trong lý thuyết chứ không có trong thực tế.

Tuy nhiên, có những dữ kiện chứng minh trong lịch sử mà hai bên tôn giáo và chính trị đi cạnh nhau như sau:

THỜI VĂN MINH THỨ NHỨT: Như đã trình bày ở bài I, nay ta chỉ đề cập đến phương diện chính trị trong sinh hoạt xã hội để biết sức mạnh của tôn giáo không phải nhỏ và giá trị sáng tạo của nó không phải như đã bị phủ nhận ngày nay.

Các nhà nghiên cứu lịch sử nhân loại đều công nhận rằng từ thế kỷ thứ VII trước Tây lịch, dù bất cứ quốc gia nào cũng không thể tách rời khỏi tôn giáo hay nói cho đúng là Thần quyền, bởi loài người trong thời gian sơ khai không thể tự mình tạo nên cái sống cho mình nếu không nhờ có những hiện tượng tôn giáo qua sức mặc khải của Vô hình mà còn dấu tích nơi Vu Nghiễn ở Trung Hoa, Pythie ở Hy Lạp hay Rishis ở Ấn Độ. Sức mặc khải này là động lực cần cho trí năng con người vào buổi sơ khai để đi dần từ bộ lạc đến quốc gia rồi quốc tế như ngày hôm nay.

Bởi thế ta gọi thời văn minh thứ nhất là thời kỳ Nhân lực bị Thần lực chi phối hay nói theo các nhà sử học thì đó là thời kỳ tôn giáo ngự trị (*homo religious*) không phải là không đúng vậy.

Cho nên khi nói đến Nhứt Kỳ Phổ Độ, lịch sử nhân loại cho thấy không nơi nào không có sự xâm nhập hay nói cho đúng là sự hướng dẫn của tôn giáo có tính cách Thần quyền:

- **TRUNG HOA GIÁO** với sự xuất hiện của Phục Hy, Nghiêu Thuấn, Văn Vương từ đó có Kinh Dịch mà hiện tượng Long Mã Hà Đồ đã tiêu biểu cho những thần bí không hề được giải tỏa để từ đó ý niệm Thiên Đê được khai triển trong sự tôn sùng Đấng Tạo Hóa khai sinh muôn vật với những điều luật mà xã hội được phân định tôn ti trật tự trong ý niệm xây dựng một "Nhân Thân Tiểu Thiên Địa" cho đến sau này qua sự thành hình các Vu Nghiễn từ thành phần đạo đức trong xã hội mà ra.
- **AI CẬP GIÁO** với sự xây dựng một quốc gia hùng mạnh dưới các triều đại đế vương (pharaon) còn nắm giữ những bí quyết xây dựng mà di tích là các ngôi Kim Tự Tháp sờ sờ đó trước cặp mắt tò mò của khoa học ngày nay chưa hề khám phá toàn diện đã để lại một mẫu mực cai trị xã hội, trong đó ông cha trong gia đình cũng là hàng giáo phẩm với những giáo điều không kém phần khắt khe của Đa Thần giáo.
- **HY LẠP GIÁO** với những vị Thần đại diện cho các sắc thái nhân dụng chân thiện mỹ qua những thần tượng được tiêu biểu vẫn là nếp sống cố hữu cho dân tộc xứ này mà vị Thần Apollon được tôn thờ ở đền Delphes vẫn là ngôi vị được xưng tụng nhiều nhất cho dù khả năng thần khải của Socrate cũng đã phát xuất từ đó mà ra với châm ngôn: "Gnothi-

seauton" (Hãy tự biết lấy mình đi) làm nền cho cả một nền văn minh Tây phương cũng đã từ ngưỡng cửa của ngôi đền này mà ra vậy.

- DO THÁI GIÁO với cuộc di dân của Abraham đã do sự hướng dẫn của vị Thần độc nhất là Yahvé để sau này được tiếp nối bởi Moise làm thành nề nếp sống qua "Mười điều luật" được giao phó tại núi Sinai còn ghi trong Kinh Cựu Ước mà người Tây phương một thời không ai là không biết dù họ có "đi đạo" hay không.
- ÁN ĐỘ GIÁO với sự hình thành các Kinh Vệ Đà qua các hiện tượng mặc khải của các Rishis mà nếp sống cổ truyền của Ấn Độ từ nghìn xưa đến nay vẫn không mấy thay đổi qua hình ảnh một Brahman điều động cuộc sống của từng nhân thân mà phần được biết gọi là Atman làm thành một hệ thống triết lý nhân sinh phù hợp với dân tộc này, dù thời gian có biến đổi ít nhiều nhưng vẫn không thay đổi được toàn diện cơ cấu xã hội này.

Xuyên qua những thành tích tiêu biểu của các tôn giáo còn có tác dụng đến ngày nay ấy, ta thấy rõ thời văn minh thứ nhứt của nhân loại đã do động cơ đầy bí nhiệm mà ta gọi là Thần quyền thúc đẩy, cho dù có những phản động lực tạo nên sự xung đột của thời bấy giờ cũng nằm trong một yếu tố gọi là Thiên mệnh mà không phải từ một tham vọng cá nhân trong tư thế một đế vương thay mặt cho Trời để trị dân, nên cái chất phong kiến ngự trị từ ấy đã đưa đến tình trạng nô lệ của dân chúng một cách tự nhiên, cho nên Aristote về sau đã phải thốt lên: "Nô lệ tự nó do thiên nhiên mà thành" (*l'esclave l'est par nature*) dù rằng cái nhìn của ông có tính khoa học thời đại khách quan của người ngoại cuộc.

THỜI KỲ VĂN MINH THỨ NHÌ tiếp sau thời văn minh thứ nhứt qua những chuyển biến khá sâu xa trong tư thế của con người giữa xã hội. Nỗi ám ảnh của Thần quyền ngày trước không khỏi mang lại những ma lực khiến cho họ phải vùng dậy và tự họ tìm phương cách giải tỏa các vấn nạn đương thời. Cho nên, trong thời kỳ này, ta thấy Thần quyền không còn khắt khe như trước mà nhường cho thế lực Nhân quyền thay đổi từng cục diện quốc gia. Nhân quyền chi phối Thần quyền một khi tác dụng quần chúng bị sa sút, tuy không mất hẳn như các sử gia đã cho rằng đây là thời kỳ tôn giáo hướng dẫn chính trị chứ không đi đôi như trước dù ảnh hưởng của tôn giáo trên chính trị tại một số quốc gia vẫn còn nặng nề.

Muốn minh xác điều này, ta hãy tìm hiểu các giáo điều tôn giáo ở Nhị Kỳ Phổ Độ đã ảnh hưởng vào chính trị tới đâu trong cuộc sống nhân loại thời buổi này. Để chỉ căn cứ vào phần ảnh hưởng còn đến sau này được ghi nhận qua các tác phẩm hiện đại, ta xét lần lượt:

- KHÔNG GIÁO và LÃO GIÁO nối tiếp truyền thống Trung Hoa giáo trong sự xây dựng Nho giáo cũng có nghĩa là xây dựng một mẫu người ích dụng cho xã hội. Lão Đàm với Đạo Đức Kinh tạo nên mẫu người Thánh thiện trong phạm trù: "vô vi nhi vô bất vi" thì Khổng Khâu đề cao một mẫu người quân tử với Kinh Xuân Thu. Mặc dù chỉ chép một giai đoạn lịch sử của nước Lỗ từ Lỗ Ẩn Công đến Lỗ Ai Công kể cả nhà Chu và chư hầu, nhưng thực sự Khổng Khâu muốn nêu lên một đường lối chính trị trong đó có ba điểm then chốt là "*chính danh dự, chính danh phận và ngụ bao biếm*" mà sau này Mạnh Tử tiếp nối với thuyết "*dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh*" hoặc Tuân Tử với thuyết vương đạo, bá đạo hay vong quốc chi đạo cũng phải nói từ Kinh Xuân Thu mà ra. Do đó, ta thấy rằng nền chính trị Trung Hoa đến thời Khổng Khâu với thuyết "tu, tề, trị, bình" đã không còn bị Thần quyền chế ngự mà chỉ còn ảnh hưởng trong tư tưởng độc lập của ngài, nên với kinh này, ngài đã thốt ra: "*Tri ngã giả kỳ duy Xuân Thu hồ, tội ngã giả kỳ duy Xuân Thu hồ*" mà không hề dă động đến một Thần linh nào cả.
- LA MÃ GIÁO nhìn nhận chính trị Hy Lạp giáo của Socrate (qua La République de Platon) cho rằng quốc gia là con người ở mức độ to lớn nhất như đã nói trước. Xã hội nguyên thủy của loài người là một xã hội tốt lành, đơn thuần, trong sạch và sung sướng, nhưng đã trở nên nhơ bẩn vì lòng tham lam và tính se sua phù phiếm, từ đó mới nảy sinh sự tự vệ, sự tranh chấp, rồi mới có chiến tranh. Do đó cần phải có những vị vua hiền triết

để giữ sự công bằng vốn là đại hòa điều giữa tập thể và cá nhân. Tất cả mọi thể chế quân chủ, thị tộc hay dân chủ đều xấu, chỉ có luật pháp là công minh. Nền thể chế tốt nhất là quân chủ được điều hành bởi luật pháp. La Mã giáo không khác Hy Lạp giáo với quan điểm chính trị trên nhưng lại xây dựng cơ sở trên sự hoà hợp của các thể chế với nhau như thực trạng của xã hội La Mã đương thời vào đầu Tây lịch. Tinh thần này được hiểu cụ thể ở sự được ban thưởng nơi cõi Vô hình đối với linh hồn các tử sĩ ái quốc, tận tụy hy sinh cho đại cuộc quốc gia.

- BÀ LA MÔN GIÁO và PHẬT GIÁO theo truyền thống Ấn Độ xem sự sinh diệt của thế giới không phải như một hiện tượng đơn độc mà như một chu kỳ hòa điệu. Phật giáo đề ra cái "*pháp luân thường chuyển*" trong đó cái tư thế "*sắc tức thị không, không bất dị sắc*" và những khái niệm kalpa (ngày của Brahman) gồm 4320 triệu năm với sự chủ trì của 14 thời đại Manou, mà hiện tại, thế giới ngày nay do Manou thứ 7 ngự trị thật không khác gì cõi ta bà do Phật Thích Ca ngự trị gồm cả hàng ngàn đại thiên thể giới, trong đó quả địa cầu (hay nói cho đúng là Thái Dương Hệ) chỉ là 1 phần ti của nó. Như vậy thì nền chính trị của Phật giáo quả đã là một truyền thống Ấn Độ khi ngũ quan hạn hẹp của họ đã suy tưởng ra một vũ trụ quan với ba phạm trù thể tục là *dục giới, sắc giới và vô sắc giới* trong đó sự thống trị thế gian đã quá xa ngoài tầm nhận định của con người để trở thành những giả thuyết không đâu bởi tính vô minh vô thức của hàng tăng ni sau đó. Cho nên nhà Phật đã gọi muốn cứu thế phải xuất thế, thiết tưởng đó là điều kiện phải có của môn đồ nhà Phật nên sự tìm hiểu chính trị theo Phật pháp chỉ là giả tưởng thật không gì đáng nói. Dù sao, Phật giáo thừa tự giáo điều của Bà La Môn giáo trong tinh thần xây dựng một nhân sinh quan gắn liền với vũ trụ quan trong đó cái sống và cái chết của con người không khác cái đại hòa điệu của vũ trụ trong sự sinh diệt chung mà sự sáng tạo chỉ là giao điểm của không và sắc, từ vạn thù trở về một (Vạn thù qui nhất bản...) như chính đức Thích Ca đã nói: "*Vạn hữu phát sinh từ một Nguyên nhân*" mà các sư ni sau này gọi là "*chư pháp nhân duyên sanh cũng do nhân duyên diệt...*" để tự đặt mình vào thế vô thần không khác ý thức hệ tam vô là bao nhiêu!
- CƠ ĐỐC GIÁO thừa tự tưởng chính trị trong Do Thái giáo từ Kinh Cựu Ước với những tiêu đề "con người được sinh ra để sống thành xã hội, loài người chỉ có một mục đích và một đối tượng đó là Chúa Trời hoặc tất cả loài người đều là anh em với nhau". Theo Bossuet thì nền chính trị Cơ Đốc giáo có thể được thừa nhận trong khối nhân loại với hai vị thầy là Chúa Trời và Lý trí (Dieu et Raison) cùng nền thể chế thích dụng nhất là nền quân chủ, điển hình là nền quân chủ Pháp dưới triều Louis XIV, trong đó nhà vua tuân hành theo lý trí và quốc gia tràn ngập những tài năng sáng tạo về mọi mặt văn chương, mỹ thuật... Xã hội được lập vị trên nền tảng của nước Chúa trong đó mọi xu hướng đều qui về Chúa mà những riêng tư của con người kể như phần thứ yếu kể cả gia đình, quốc gia và truyền thống dân tộc. Bởi thế, người đi đạo Chúa có lối sống phụ thuộc vào giáo điều, giáo hội Vatican, trong đó sự thần phục các giáo phẩm lắm khi làm cho luật pháp và phong tục tập quán một quốc gia không còn giá trị nữa.

Đó là một nghịch lý xã hội mà những người đi đạo không hề nhận biết đến bao giờ.

- HỒI GIÁO là một hiện tượng tôn giáo xâm nhập vào chính trị trong xã hội loài người hơn hết. Kinh Coran do Thiên sứ Mahomet ban hành những điều luật trong suốt 23 năm, một phần ở La Mecca, một phần ở Médina mà cuộc đời ngài bị lôi cuốn trong những cuộc đấu tranh nội bộ gọi là cuộc Thánh chiến với mục đích đem lại an bình cho quốc thổ bị tranh chấp bởi những nội loạn bộ lạc đương thời. Người Hồi giáo có nếp sống dị biệt và tín tưởng tuyệt đối vào Đấng Allah nên không chấp nhận các giáo điều tôn giáo khác, kể cả các thể chế quốc gia. Cho nên người Hồi giáo nơi đâu cũng muốn tạo thành một thể chính trị có khi biến thành cực đoan tại các quốc gia không phải từ Giáo chủ Mahomet nên đã tạo thành một nguy cơ bạo lực cho toàn thể giới hiện nay sau cái nạn bành trướng

thực dân của cộng sản mà trò Thánh chiến kia sẽ xâm nhập vào các quốc gia khác với mưu đồ thống trị cả thế giới sau này với quyền năng của một Allah tối cao không có Thượng Đế nào bằng... trước sự cản trở của một chúa quỷ là Hoa Kỳ mà nền văn minh hiện nay là trò quỷ vương chỉ có văn minh Hồi giáo theo Kinh Coran từ Thánh Gabriel - với nạn dân đảng đa thê bộ lạc - mới đem lại nền văn minh thật sự mà thôi! Người Hồi giáo đã lẫn lộn tôn giáo và chính trị sa sầm như thế nên trò cuồng tín cực đoan hiện nay đang là mối ưu tư cho toàn nhân loại vì nơi đâu cũng có thể bị trò khủng bố Hồi giáo này bày ra khi không hiểu nghĩa chính trị và tôn giáo khác nhau thế nào?!

- THẦN GIÁO như đã nói trước là một lực lượng bộc phát từ thời Minh Trị Thiên Hoàng đã đem nước Nhật Bản lên hàng văn minh tiến bộ dù bị thất trận ê chề năm 1945 nhưng vẫn trỗi dậy hùng cường không kém các nước thắng trận chỉ vì người dân xứ mặt trời mọc này luôn giữ được tinh thần võ sĩ đạo làm cương lĩnh cho giá trị đạo đức của họ. Cho nên, chính trị nước này đã là một hình ảnh sôi động của nền quốc giáo có những quy củ chuẩn thẳng mà không một tôn giáo nào đã có trước.

Với những tìm hiểu trên, ngoài các giáo điều tôn giáo đã xâm nhập vào các thể chế chính trị trong thời văn minh thứ nhì này, ta còn thấy một số nhà tư tưởng đã trỗi dậy chống chế sự xâm nhập kể trên để bắt đầu những cải thiện từ con người không còn lệ thuộc vào Thần quyền khi chỉ là những lợi dụng của hàng giáo phẩm phàm tục như ai. Đó là các triết gia Montesquieu (1689-1755) và Jean Jacques Rousseau (1712-1778) của Pháp quốc. Thật ra thì hai nhà đại tư tưởng này không hơn được các tư tưởng chính trị Hy Lạp xưa, nhưng chính các ông là những người khơi động lại cái tư thế chính trị đang bị gò bó trong mớ giáo điều làm cho nhân loại đang như giấc ngủ mê trong Thần quyền Da Tô giáo ở xã hội Tây phương thời ấy.

Năm 1748, sách *Esprit des Lois* (Tinh thần Luật pháp) của Montesquieu ra đời không ghi tên tác giả, bởi giáo quyền Vatican quá khắt khe như trường hợp Copernic và Galiléo đã có trước, đã nêu lên thể chế tam quyền phân lập: lập pháp, hành pháp và tư pháp đã được đề cập tới trong sách *La Politique* của Aristote với ba quyền hạn: bàn luận (*délibérer*), cai trị (*gouverner*) và phân xử (*juger*). Ông ca ngợi thể chế Anh quốc lúc bấy giờ với thể chế tam quyền phân lập mà ông đã đề ra.

Năm 1768, sách *Contrat Social* (Khế ước Xã hội) của Jean Jacques Rousseau gồm bốn phần:

- Hy sinh quyền hạn thiên nhiên cá nhân vào lợi ích quốc gia để từ đó có sự bình đẳng và tự do bởi sự che chở của quốc pháp.
- Thế lực nhân dân hùng mạnh, dưới sự hướng dẫn của nhà lập pháp sẽ cứu vãn được hạnh phúc chung trước những tư lợi tập đoàn.
- Nền dân chủ phải được giữ cho trong sạch bởi những quốc hội lập hiến.
- Phải tạo nên một nền tôn giáo quốc gia (*religion d'état*).

Sách này đã được xem như một hiến pháp căn bản cho cuộc Cách mạng Dân chủ Pháp năm 1789 với bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền đã có.

Hai nhà tư tưởng trên đây thật đã can đảm đứng lên chống đối lại các giáo điều Da Tô có tính ngoại lai xâm nhập vào nước Pháp lúc bấy giờ, nhưng chính cũng đã tạo nên những quá khích đáng tiếc, không khác những xuẩn động của hàng giáo phẩm Da Tô giáo trước đó với vụ án Galiléo. Bởi thế mới có câu nói của Robespierre khi ra lệnh xử tử Lavoisier: "Nước Pháp Cách mạng không cần có nhà bác học" với sự xóa bỏ niên lịch Da Tô giáo mà thay bằng những hiện tượng thiên nhiên bốn mùa và sự tôn thờ một Đấng Chúa Tể Tối Cao (*le culte de l'Être Suprême*) đã chỉ là một phản ảnh thời thượng mà cái tinh thần dân chủ tiến bộ khi mới

phôi thai kia đã bị khai tử ngay từ khi nó chưa được trưởng thành, chỉ ghi lại một dấu mốc quan trọng trong lịch sử nước Pháp giữa hai thế lực nhân dân và Giáo hội La Mã mà thôi.

Nói cách khác, cái nền dân chủ cộng hòa đã được xây dựng vào thời văn minh thứ nhì kể từ Platon đến Jean Jacques Rousseau không hoàn toàn theo đúng tinh thần nhân bản trong nghĩa của một nhân thân giữa xã hội. Cho nên, từ thời đại Platon-Aristote đã khinh miệt dân nô lệ xem như không phải con người trong hàng ngũ nhân dân một quốc gia. Cho đến thời đại 1789, nền chính trị vẫn bị các tập đoàn đầu cơ, cho dù tập đoàn La Plaine của đám lao động cũng không thể hiện được tinh thần dân chủ khi mà số phận những bản dân và người phụ nữ vẫn chưa được xã hội biết đến trong sự công bằng tối thiểu của số phận làm người. Bởi thế, từ khi Thần quyền ở nền Văn minh thứ nhất đã chỉ còn như một bóng ma ám ảnh xã hội loài người thì vào nền Văn minh thứ nhì, xã hội loài người đã bị bóng ma đảng phái lộng hành kéo lê nhân loại theo những ngả ngách của bè nhóm mà không phản ánh đúng tinh thần dân chủ thật sự.

Kể từ 1905, khi Giáo hội Vatican đã bị cách ly ra khỏi địa bàn chính trị các quốc gia Âu châu thì cái bóng ma đảng phái nhân danh một ý thức hệ, một chủ nghĩa không còn nhân tính đề nặng trên đầu cổ người dân những nghiệt ngã không thua gì nạn giáo phẩm ngày trước. Thật loài người từ bao giờ đã tạo nên những trói buộc cho chính mình mà cứ tưởng có như thế mới có tinh thần đạo đức xã hội, bởi nhóm nào cũng có đạo đức cho riêng mình cả.

Nói rút lại thì thời kỳ văn minh thứ nhì đã vạch ra một bước tiến trên lối đi chính trị của con người có tích cách nhân bản hơn thời trước do những lãnh hội của các hiền triết Đông Tây chung tay đóng góp. Cái chủ thuyết chính trị "tu, tề, trị, bình" của Khổng Khâu ở Đông phương có thể được hiểu theo nghĩa của Aristote ở Tây phương: *"Chính trị học là môn học tối thượng có hiệu lực tổ chức đến tốt điểm về các mục tiêu của điều thiện cần ích cho công dân các quốc gia trong mọi lĩnh vực như kinh tế học, quân sự học, tu từ học. Mục đích của nó bao trùm các môn học khác đến nỗi có thể là điều thiện tối thượng của con người, đối với cá nhân là điều họ đang ước muốn, nhưng khi là của cả dân tộc quốc gia thì nó tốt đẹp hơn và thần bí hơn."* Cho nên, Khổng Khâu đã cho rằng việc chính trị là điều chánh (*Chính giả chánh dã*) trong quan niệm "làm chính trị cốt ở dùng người hiền, lấy đạo mà sửa mình, lấy nhân mà sửa đạo". Hai nhân vật tiêu biểu trên đây đã nói lên được cái khí thế nhân quyền xây dựng xã hội một cách tự chủ không còn bị thần quyền chi phối như trước dù chỉ trên lý thuyết.

THỜI KỲ VĂN MINH THỨ BA: người tín hữu Cao Đài sống giữa lòng thế kỷ XX không chối cãi một liên hệ tự nhiên giữa mình với xã hội qua môi trường chính trị. Nói theo ngôn ngữ ngày nay là: "Nếu anh không làm công việc chính trị thì chính trị cũng xâm chiếm con người của anh". Người Cao Đài không chối bỏ điều đó, cho nên đã phải tự tìm lấy ý nghĩa chân xác của chính trị để nhận diện nó như thế nào trong cuộc sống của xã hội loài người hiện nay. Không thể lập luận bừa bãi theo một ngả phiến diện bởi những bóng ma ám ảnh như các thời kỳ đã nêu trên đây mà buộc người Cao Đài phải hiểu chính trị không ngoài ý nghĩa của các hiền triết Đông Tây đã nêu trên. Sở dĩ như thế cho nên cái công thức chính trị đã nêu lên trong phần nhập đề đã cho người tín hữu Cao Đài một hướng đi độc lập có lịch sử chứng minh, có hiện tại xét duyệt và có tương lai nối tiếp trong một hoài bão lớn lao của một đại cuộc nhân loại chứ không phải nhỏ hẹp cho một cá nhân.

Trên bình diện này, ta hãy lần lượt xét bốn điểm chính:

- Đầu tiên, Đức Cao Đài giáng trần lần này đã tự xưng là Cha vừa là Thầy của nhân loại chứ không chịu gọi bằng từ gì khác. Và sau đó lại thêm: "Đạo Thầy là các con, các con là Thầy" minh xác mối liên hệ giữa Ngài và chúng sanh rất bình đẳng. Cha biểu thị sự sinh dưỡng còn Thầy biểu thị sự giáo hóa. Cha là chủ của một gia đình nhỏ, quốc gia là gia đình của một dân tộc và thế giới lại là gia đình của nhân loại. Loài

người nói riêng hay Vũ trụ nói chung từ bao giờ đến bây giờ vẫn tiềm tàng một cuộc sống độc lập mà không một cá nhân, tập thể nào dám tự nhận mình đã ra ngoài cái Tiềm Lực Thiên Nhiên ấy và từ đó Con người cảm nhận một sứ mạng thiêng liêng là phải duy trì cuộc sống bất diệt đó một môi cảm thông để cuộc sống được tiếp tục cho mai hậu các đời sau.

- Sau đó, Đức Cao Đài cũng đã minh xác rằng: "Thầy đến chính mình Thầy độ rồi các con, chứ chẳng giao Chánh giáo cho tay phàm nữa" bởi theo Ngài nền Chánh giáo xưa đã bị con người làm ra phàm giáo. Đây chính là hiện tượng đã xảy ra dọc theo thời kỳ Văn minh thứ nhì mà tôn giáo đã do hàng giáo phẩm với lòng vị kỷ chủ quan tự thần thánh hóa muốn ngồi trên đầu trên cổ các chính trị gia nên đã bị quần chúng cách ly ra khỏi guồng máy cai trị các nước Âu châu bởi tác dụng cứu đời không còn hiệu lực nữa. Trong khi đó thì phần còn lại của thế giới cũng không còn xem tôn giáo như một nguồn sống thiêng liêng như trước mà chỉ là một hiện tượng của thời xa xưa, đến nay chỉ còn vang bóng một thời khi con người đang đứng trước những đòi hỏi của vật chất mỗi ngày một cần thiết cho họ hơn.
- Cụ thể hơn hết là sự hình thành quy chế Tam Đài nơi phần Phổ Độ Cao Đài giáo vào thời sơ khai 1926, bản Thánh Ngôn Hiệp Tuyển có ghi ngày 16-10 Bính Dần (20-11-1926) ngày thứ nhì trong dịp Đại Lễ Khai đạo, Đức Cao Đài đã giảng dạy Pháp Chánh Truyền Cứu Trùng Đài xem như cơ quan Hành pháp của nền đạo mới. Một thể hiện tân kỳ ở cơ quan này là sự bình đẳng phái tính. Trong 9 cấp giáo phẩm với tước vị được bầu cử hai bên nam nữ riêng biệt có quyền hành như nhau trên hết là ngôi Giáo Tông chỉ dành cho nam giới, được xem như là Anh Cả của toàn đạo do toàn thể tín đồ bầu lên, nếu không phải Vô hình phong thưởng để chăm sóc nhân sanh tu học về phần xác, không khác trong một đại gia đình. Sự kiện này chứng minh tinh thần công bình bác ái mà không cự giáo nào đã thể hiện được. Sau đó, đến ngày 21-1 Đinh Mão (13-2-1927), Ngài dạy về nội qui Pháp Chánh Truyền Hiệp Thiên Đài xem như cơ quan Tư pháp của nền đạo mới mà các chức vụ đều do Thiên phong với nhiệm vụ đã có về luật pháp cả đời lẫn đạo mà buổi sinh tiền các ông phải thi hành. Lễ cổ nhiên khi các ông về Thầy thì sẽ có người khác cũng được Thiên phong thay thế bởi dù trước sau cũng do Thiên định mà không một ai dám tự nhận mình có quyền năng tiếp nối nơi thế gian cả. Đó là điều mà các cự giáo thường nêu ra khi cơ quan Hiệp Thiên Đài giải quyết được tất cả. Và với sự hình thành cơ quan Tư pháp có sự hiện diện của bộ phận thông công làm nhịp cầu giao tiếp với các đảng Vô hình nên mọi quyền pháp ban hành sau khi xét duyệt đều do lệnh của Vô hình ngự trị tại ngôi Bát Quái Đài nên Bát Quái Đài cũng gọi là cơ quan Lập pháp. Đó là giềng mối chánh trị đạo pháp trong Cao Đài giáo theo đúng Tam quyền phân lập theo tinh thần dân chủ pháp trị hiện nay.
- Trước thềm của thiên niên kỷ thứ ba khi bước vào cảnh nhân tâm sa đọa thế giới đảo điên thời mạt pháp, người tín đồ Cao Đài không còn biết gì hơn ngoài lá thư báo trước của đức Ngô Minh Chiêu ngày 27 tháng 5 năm 1927 cho biết sẽ đến một kỷ nguyên thứ ba ngót 1500 năm kể từ 1924 với sự xuất hiện các vị Thiên Hoàng rồi Địa Hoàng rồi Nhơn Hoàng để tạo thành một nền Đại đồng đạo đức chung cho nhân loại.

Một qui chế chính trị dân chủ pháp quyền theo truyền thống của từng dân tộc được tôn trọng một khi người tín đồ đã tin theo nền đạo mới là sự hình thành bộ Tân Luật Cao Đài giáo làm cương lĩnh cho người tín đồ tu học mỗi nơi là tự họ phải tạo ra một nền Tân Luật đúng theo tinh thần truyền thống của từng quốc gia liên hệ đó. Thế nên vào thời sơ khai tại nước Việt Nam, Đức Cao Đài tự nhận là Cha vừa là Thầy của sanh chúng đã dạy các nhà Khai đạo phải tự tạo một bản Tân Luật theo tinh thần tôn giáo mới của địa phương mình rồi dâng lên Ngài phê duyệt qua bộ phận thông công, sau đó sẽ được ban hành khi Vô hình chấp thuận.

Kết Đề: Theo những phản nhận định trên đây, ta thấy rõ Cao Đài giáo không phải bỏ quên chính trị để xem như một chiều hướng phi tôn giáo mà người tín hữu đã sống trong một quốc gia không thể đứng ngoài lề luật pháp của quốc gia đó một khi nền chính trị của quốc gia này không do một động cơ ngoại lai tà quyền nào. Lễ cố nhiên, trên căn bản muốn kiến tạo một thế giới hòa bình, không thể không quan tâm đến việc xây dựng một quốc gia thịnh vượng mà truyền thống dân tộc Việt Nam còn ghi câu: "Quốc gia hưng vong, thất phu hữu trách" nên dù ở vào cương vị nào trong xã hội, người dân cũng phải nêu gương tốt trước bổn phận công dân của mình để cho đàn hậu tấn được tự hào trong vinh dự tiền nhân, và lễ cố nhiên, dù kinh điển có cao siêu bao nhiêu mà nguồn đạo lý nhân bản mất đi thì con người cũng không xứng đáng với giá trị của mình nữa. Nói thế có nghĩa là người dân một nước nếu đặt tín ngưỡng lên trên truyền thống tốt đẹp của dân tộc vốn là kết tinh từ những thể chế chính trị cao đẹp của Tổ tiên xưa thì rất khó mà nói chuyện đem lại hòa bình hạnh phúc trên cõi thế gian này chứ đừng nói đến những cảnh trí xa xôi bồng lai cực lạc kỳ ảo nào khi mà những cảnh trí hấp dẫn ấy chỉ do hàng giáo phẩm nói ra chứ chính người tín đồ không thấy bao giờ và chỉ toàn là huyền thoại không đâu mà chính các hàng Thánh kia Bồ Tát nọ mới là thủ phạm chẳng khác gì các tay chính trị xã hội chủ nghĩa môn đồ cộng sản Mác Lê đã lừa đảo phỉnh gạt thiên hạ vào thiên đàng sắt máu kia vậy!...

BÀI 5:

CAO ĐÀI GIÁO DƯỚI CÁI NHÌN CỦA NHÀ TRIẾT HỌC

Đề tài này đã được cụ thể hóa nơi tác phẩm Bản Thể Luận của Đồng Tân⁵ mà giáo sư tiên sĩ Jeremy Davidson thuộc Viện đại học Luân Đôn đã có bài tựa gọi tác giả là nhà triết gia tôn giáo (religious philosopher) nhưng cần làm sáng tỏ hơn. Đồng thời, sách Lý Thuyết Tổng Hợp⁶ và các tác phẩm Triết học Nhân bản cũng đã cho độc giả biết rõ hơn.

Nhập Đề: TRIẾT HỌC là gì?

Theo quan niệm thông thường của giới học đường hiện nay, hễ nói đến tôn giáo tức là không đề cập đến triết học bởi học thuật Tây phương cho rằng sự hiểu biết của loài người diễn tiến tuần tự qua các giai đoạn:

- Sự hiểu biết theo bản năng nơi động vật sống theo thiên nhiên.
- Sự hiểu biết ích dụng (homo faber) nơi con người để hoạt động và sáng chế.
- Sự hiểu biết lý thuyết (homo sapiens) tạo nên con người tư duy bắt nguồn từ nền khoa học thực nghiệm.
- Sự hiểu biết kỹ thuật quy gồm hai sự hiểu biết trên tạo nên những kiến thức kỹ năng.
- Sự hiểu biết triết học đến với con người khi những hiểu biết kể trên không thỏa mãn cho họ trên những lĩnh vực:
 - Vấn đề hiện sinh (hiện tượng và thể tính).
 - Vấn đề trí thức (sự phê phán kiến thức).
 - Vấn đề hành động (luân lý trong cuộc sống).
 - Vấn đề thống nhất sự hiểu biết (hệ thống hóa các hiểu biết).

Tìm hiểu cho rốt ráo các chuyển biến trong trí thức con người như trên, tức là đã bắt đầu đi vào con đường triết học theo nghĩa Tây phương.

Nhưng thực chất có phải như vậy không thì ta hãy đi tìm chân tướng của những con người triết học tuần tự như sau:

THẾ NÀO LÀ CON NGƯỜI TRIẾT HỌC?

Người triết học trong bài này không phải là những hiền triết theo quan điểm của các triết gia Tây phương. Họ là những nhà tư tưởng có nhiệt tình và chân thành trong tâm thức. Họ đi vào phân tích nhiệm vụ của các sự kiện đã được khám phá ra từ những nhà bác học không quá tin vào Thần quyền như những nhà tôn giáo mà chỉ tin vào sự khám phá của tri thức mình bởi nhà triết học chân chính là người tìm ra những sự thật được chứng ngộ nơi mọi người. Bởi thế, nhà triết học đi tìm chân lý toàn diện phải có một tâm hồn cao trổi, sâu sắc, tự chủ và có nghiệm chứng pháp. Nhà hiền triết Hy Lạp Socrate (470-399 trc TL) đã từng nêu ra châm ngôn *Gnothi Seauton* (Hãy tự biết lấy mình) thật là một nghiệm chứng về triết học vậy.

CÁC GIAI ĐOẠN TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC

Nền triết học đã được khai triển dọc theo truyền kỳ lịch sử nhân loại, và sau những giai đoạn chuyển biến lớn lao ngày nay đã trở thành một kiến thức toàn diện của kiến thức con người.

⁵Sách Bản Thể Luận, Đồng Tân, 1975, truy cập tại www.caodai.online

⁶Sách Lý Thuyết Tổng Hợp xuất bản 1971 tại Sài Gòn.

Các giai đoạn chuyển biến đó là:

- a- Đầu tiên, triết học là sự tìm hiểu Đấng Tuyệt Đối được xem như một khoa học về Vũ trụ.
- b- Sau đó trở thành khoa siêu hình học với các khoa học thực nghiệm. Từ các nhà toán học như Pythagore (Hy Lạp thế kỷ VI trc TL) xem các con số là nền móng của thực tại, nhà thiên văn học với niềm tin rằng tinh tú có linh hồn, nhà vật lý học xem xét đạo đức của thể xác,... đi đến một hệ thống của kiến thức con người, đem các định luật khoa học vào một định luật căn bản và những định luật căn bản vào một định luật bao quát để có thể nhìn thấy "cái biến vô hạn của sự vật chảy đều" (*couler la mer infinie des choses*) theo quan điểm của người Tây phương hay quan điểm "đồng qui nhi thù đồ" của người Đông phương.
- c- Ngày nay, triết học đã trở thành một khoa học toàn diện của trí thức con người, ít ra cũng bắt đầu từ Descartes (Pháp 1596-1650) với công thức "Je pense donc je suis" (Tôi suy tư tức là tôi thực tại) từ đó tâm thức (la conscience) của con người qui định về mọi giới tính hiện sinh, về phê phán trí thức, về luận lý học và về sự thống nhất hiểu biết nơi con người.

Chính Đề: TRIẾT HỌC theo quan điểm của người Cao Đài.

Trên đây là nền triết học trong tầm nhận định của các học giả Tây phương, thiết tưởng không phải là không cần thiết khi chúng ta đề cập đến danh từ triết học hiện đại. Nói thế có nghĩa là người Cao Đài khi đưa ra một nhận định về một vấn đề tư tưởng học thuật thì phải biết trước họ và chung quanh họ, sự việc đã được quan niệm như thế nào, đúng hay sai, đủ hay thiếu, đó là quan điểm chung của giới tín hữu Cao Đài.

Tuy nhiên, thân phận bé nhỏ của cá nhân cũng như xứ sở tôi, lại sống trong lòng thế kỷ sôi sục của nhân tâm thế đạo, mà nói đến chuyện xa vời của cái cổ kính từ ngữ tụng niệm để không còn hấp thụ được gì hơn, thì thật ra công việc này đòi hỏi một tư thế tâm linh cộng hưởng với phân thâm sâu của Vũ trụ mới phát hiện ra một ý nghĩa tinh vi theo sự đòi hỏi của nó. Nếu chẳng được như thế thì có khác gì nền triết học Tây phương vào thế kỷ XX này đã trở thành nông cạn do trí lự phạm phu của con người đang bị chi phối bởi thời cuộc nhiễu nhương mà tạo nên những quái thai của triết học đã không có tác dụng về mặt tích cực mà chỉ tạo ra những mặt tiêu cực có hại cho đà tiến hóa chung nhân loại. Cho nên, một Karl Marx, một Darwin, một Jean Paul Sartre chỉ là những loài sâu bọ mà những vi khuẩn lây lan làm tăng căn bệnh sa đọa của loài người là kiêu căng từ khối Âu châu ra khắp mặt địa cầu thiết tưởng phần tác hại của nó đã như thế nào thì cho đến nay mọi người cũng đã rõ. Cho nên năm 1974, khi tôi trao bản thảo sách Bản Thể Luận cho giáo sư Jeremy Davidson thuộc đại học Luân Đôn, khi xem đến đề mục "Độ nông của triết học Tây phương", ông không khỏi tỏ ý phiền hà và bảo tôi: "Si vous voulez!" (Ông muốn nói gì thì nói sao!). Tôi không ngần ngại cười đáp: "Triết học Tây phương nguyên ở trên trời với Socrate thì bị kéo xuống đất với Descartes rồi bị lôi xuống hố sâu với Jean Paul Sartre và Karl Marx". Thế là chúng tôi cùng cười...

Do đó, khi chưa biết mình là ai theo nghĩa của Socrate mà cố làm cho ra một con người suy tư theo nghĩa của Pascal (Pháp 1623-1662) khi ông cực lực chống đối nhóm Jésuites, vì nhóm này chỉ biết có Chúa mà triệt tiêu mọi tư tưởng con người thì không gì ngu xuẩn cho bằng. Còn nếu chỉ căn cứ vào đức tin tôn giáo mà nói triết học thì chỉ tổ làm trò cười cho các thức giả Tây phương vốn đã chán chường cái luận cứ phiến diện chủ quan của các loại kinh điển cựu giáo này rồi. Vì lẽ đó, tôi không còn tin vào đâu trước một hiện tượng xô bồ như thế mà chỉ dựa vào phần tâm đắc được khai thị của mình với thế giới Vô hình mà trong tác phẩm triết học Bản Thể Luận của tôi có đưa ra một định nghĩa khiến cho ông ban

Jeremy Davidson, đương kim giáo sư tiến sĩ đại học Luân Đôn, người viết bài tựa cho sách này rất đỗi ngạc nhiên. Đó là: "Theo tôi, Triết học là mức khai triển sự cảm thông giữa Con Người với Vũ Trụ". Và như thế thì các nhà Giáo chủ cũng như các Hiền triết có tác dụng giáo hóa nhân loại xưa nay đều đã là những Con người của Triết học, và mỗi người có một mức độ riêng, cao hay thấp tùy theo cảm nhận của nhân sinh đương thời. Thì ra những tẻ đoan tranh chấp kỳ thị tôn giáo chỉ do con người làm ra bởi mức độ không đồng đều của họ khi đi vào chiều sâu của Vũ trụ u huyền mà người Đông phương gọi là Đạo vậy.

CAO ĐÀI GIÁO CÓ THỂ XEM NHƯ KHỞI ĐIỂM CỦA MỘT NỀN TRIẾT HỌC MỚI KHÔNG?

Thật ra tôn giáo nào cũng tự cho mình có một nền triết học thông suốt về nhân sinh cũng như Vũ trụ độc đáo hơn cả. Nên người tín đồ của bất cứ một tôn giáo nào cũng ôm trong mình một vũ trụ riêng mà cứ cho là vũ trụ mình mới đúng. Từ cái "tội tổ tông" của Chúa đến cái "xú bì nang" của Phật quăng cách chỉ trong tầm tay, đó là sự hạ nhục phẩm giá con người một cách oan ức mà cứ cho là căn cơ của sự cứu nhân độ thế... Bao sao một đảng thì làm cha cố, một đảng thì làm sư phụ khi cùng một thân xác phạm phu như ai, thì có phải là một thành kiến làm cho nhân loại từ nghìn xưa đến nay khó bề vượt dậy trong tư thế cố hữu của mình là "đầu đội trời, chân đạp đất" mà phải xem các giáo phẩm kia, khi họ sa sầm trong lợi danh thế tục, còn hơn là ông bà cha mẹ mình nữa.

Cao Đài giáo đã không nhìn nhận cái căn cơ phi lý này mà phải cứu nhân độ thế trong một ý nghĩa không khác vị lương y đối với bệnh nhân. Lương y và bệnh nhân cũng cùng một thể trạng, cùng một nhân thân tiêu thiên địa như nhau, không ai lớn hơn ai, nhưng người bệnh là do cơ thể bị tác dụng bên ngoài mà nội thương ngoại cảm, hay vì một tai nạn bất ngờ hoặc vì một hội chứng nào đó cần phải có vị lương y tìm ra căn bệnh với nghệ thuật của mình mà điều trị một cách có hiệu quả trong khi hàng giáo phẩm kia căn cứ vào luận cứ trong kinh điển mà cũng chỉ con người với ngũ quan hạn hẹp làm ra hoặc nghe nói lại thì có hơn gì hàng tín hữu đâu, còn nếu cho rằng quý ngài có khả năng siêu phàm nhập thánh thì các ngài đã tự cứu lấy các ngài được chưa huống hồ lo việc cứu nhân độ thế?! Còn nói khi chết thì tự nhiên về nước Chúa hay nước Phật mà chỉ dựa vào mức độ tụng niệm câu kinh tiếng kệ hay hết lòng phụng sự hàng giáo phẩm trong khi bụi đời bao phủ đầy thân xác khi còn sống thì thiết nghĩ đó chỉ là một lối phủ dụ khi hàng giáo phẩm kia sống trong lâu đài nhung lụa nào có nghĩ rằng họ đang mang nợ của hàng môn đồ đó không, chỉ tội nghiệp cho linh hồn kẻ sống nô lệ kia chẳng biết nơi đâu mà nương náu..!

Cái lập luận đơn giản của Cao Đài giáo như thế thiết tưởng đó là một hiện tượng nhân sinh giữa người cứu và người nạn không bị một bức màn che kín nào để bị mê lầm vì vị thế của mình cả. Và cái ý nghĩa "cuộc đời là một trường tấn hóa với mục đích đem con người trở lại tình trạng vô nhiễm của linh hồn từ buổi khai nguyên" của Cao Đài giáo trong dẫn chứng điển hình trước đây thiết nghĩ không phải là không thích nghi với trào lưu tư tưởng của con người hiện nay trong nhu cầu một sự khai thông cho ngã bế tắc nhân sinh đang lồi cuốn thiên hạ trong tấn tuồng văn minh vật chất này.

Và chẳng, trong Cao Đài giáo, người ta tìm thấy đủ mọi triết thuyết từ nghìn xưa được tổng hợp một cách bao quát toàn diện và thực thi một cách dung hòa mật thiết với nhau.

Từ Nhứt Kỳ Phổ Độ, Trung Hoa giáo còn truyền tụng cái triết thuyết "Thiên Địa Vạn Vật Nhứt Thể" cũng như Hy Lạp giáo còn ghi từ "Gnothi Seauton" (Hãy tự biết mình đi) hoặc Ấn Độ giáo còn luận cứ "Tat svam asi" (Thử tức bĩ) cũng như từ Nhị Kỳ Phổ Độ còn lập thuyết "Thiên Nhân Hiệp Nhứt" hay "Vạn Thù Qui Nhứt Bản"... Tất cả đều được nêu ra trong Cao Đài giáo là "Vạn Giáo Nhất Lý" đã nối liền với Dịch lý Đông Tây một cách rõ rệt.

Trong phạm vi bài này, ta không nói đến mức thành quả của một cá nhân đắc đạo nhiệm màu mà mọi huyền vi Vũ trụ đã nằm gọn trong tâm linh nơi buổi sinh tiền các Giáo chủ, hay nói cách khác là vị đệ tử đầu tiên của một tôn giáo đã chứng ngộ. Nhưng nếu các nguồn triết học trên đây được tổng hợp trong Cao Đài giáo thì có thể xem như đã tinh luyện trong thực nghiệm từ triết thuyết "Gnothi Seauton" nơi người đồng tử thông công với Vô hình, bởi nếu người đồng tử đủ công phu tu luyện thì khả năng giao tiếp với lần điển quang của Vô hình càng minh huệ và khi đó các Thánh ngôn thu nhận phản ảnh trung thực phần màu nhiệm Vũ trụ. Đồng thời nền triết học Đông phương được tổng hợp trong câu Thánh ngôn của Đức Cao Đài dạy chư môn đệ buổi ban sơ:

"Đạo Thầy là các con, các con là Thầy"

Và với tiêu đề này, Cao Đài giáo đã là một gạch nối liền hai quan niệm truyền thống Đông phương, một bên là truyền thống hữu vũ trụ (tradition cosmique) của Trung Hoa "Đạo Thầy là các con = Thiên Địa Vạn Vật Nhứt Thể" và bên kia là truyền thống vô vũ trụ (tradition acosmique) của Ấn Độ "Các con là Thầy = tat svam asi".

Kết Đề: nhà triết học đến đây sẽ nói gì khi mà cuộc sống hiện tại đang đẩy họ vào một cái thế bất phân hắc bạch? Chỉ có sự thức tỉnh mà Vương Dương Minh gọi là "Trí lương tri", tự giải tỏa được những thành kiến chật hẹp chỉ có giá trị địa phương cục bộ để mở rộng nhãn quan nhìn vào cả một đại cuộc nhân sinh đang tấn hóa bằng ngả tâm linh thì mới tỉnh ngộ được những trò ma thuật vật chất đang kéo lê thiên hạ đi vào ngả cụt của đạo lý suy đồi, nhân tâm lụn bại ngày nay. Trước mắt họ, con đường đang đi thật đen tối lầy lội, họ phải dẫn thân đồng mãnh mới đủ nghị lực gánh vác hành trang đầy cảm khái mà họ đang lầm lũi trên bước lộ trình mỗi ngày một tiến sâu vào Vũ trụ nếu họ ý thức được nhiệm vụ thiêng liêng của mình.

Những ai có được cái quan niệm nhân sinh như thế mới thấy giá trị cuộc đời mình trong một thời đại sôi động của nhân tâm thế đạo trong thế mất quân bình tâm vật vốn là động lực cho tội lỗi hoành hành khi mà con người đã làm mất đi phần nhân tính, nguyên nhân suy sụp tạo nên ngày tận thế mà các Giáo chủ xưa đã tiên tri vào cuối thiên niên kỷ thứ hai này chứ không phải là những biến động có tính phi thường mà nhiều người đang tạo ra những tai họa cho một số mê lầm theo tà quyền xúi giục như đã xảy ra đó đây trên khắp mặt hành tinh này.

Và người tín đồ Cao Đài đã kết tội thế giới văn minh mà u trầm sa đọa thời mạt pháp này là do sự sai lầm triết học mà ra, bởi theo tôi tình trạng đen tối ngày nay trên thế giới này không do một cá nhân, một phe đảng, một quốc gia, một dân tộc nào chịu trách nhiệm mà phải nói đã do tất cả các tổ chức từ xưa nay gồm đủ mọi khuynh hướng chính trị, tôn giáo, văn chương, khoa học đều chung chịu trách nhiệm, nên tất cả phải xét nét tự tu tự tỉnh mà sửa sai để tìm cho ra tính sai lầm triết học đó thì mới hy vọng đem lại thanh bình thịnh vượng tạo cảnh đại đồng cực lạc được.

Thì đã có người nghe tôi nói đó, còn bạn đọc có nghe không thì tùy ý bạn, nhưng chân lý thì thật sự đã có tư thế của nó rồi!

BÀI 6:

CAO ĐÀI GIÁO DƯỚI CÁI NHÌN CỦA NHÀ ĐẠO HỌC

Nhập Đề: Trước khi đi vào vấn đề, thiết tưởng chúng ta cũng nên tìm hiểu chữ Đạo có nghĩa gì. Nếu cứ nhìn từ Đông phương thì chữ Đạo theo chữ nho có nghĩa là "đường đi" hoặc "lẽ" (Đào duy Anh) như đạo lý. Nói rộng ra, chữ Đạo đã được sử dụng không ít nơi các kinh sách ở Á châu nhiều hơn trong khi ở Âu châu thì hầu như chữ Đạo được thay thế bằng chữ religion có nghĩa là tôn giáo, cũng được dịch thành Pháp ngữ, chữ Voie thì không thích dụng mấy. Có người lại xem chữ Đạo không có trong thực tế (Đạo khả đạo phi thường đạo - Lão Đam). Nhưng như thế thì hóa ra chữ Đạo chỉ có một nghĩa không mấy thực tiễn trong khối nhân loại từ nghìn xưa đến nay sao?

Một dịp may hiếm có năm 1974 tại Sài Gòn, sau khi trình bày cùng giáo sư Jeremy Davidson về sách Bản Thể Luận, một loại sách có tầm triết học mới về khai nguyên Vũ trụ và nhân sinh, ông đã hỏi tôi một câu bằng tiếng Pháp dịch ra là: "Tôi không hiểu tại sao một người có khả năng triết học như ông mà cứ theo tôn giáo hoài?" Tôi đã trả lời cũng bằng tiếng Pháp lần thứ ba: "Theo tôi, dù sự hiểu biết về Vũ trụ và nhân sinh tới đâu đi nữa thì Vũ trụ vẫn có một chiều sâu chưa hề với tới được, và khi tôi đi trên con đường tôn giáo tức là tôi đang đi vào chiều sâu đó vậy." Ông nghe xong mỉm cười mà không hỏi gì thêm nữa. Sự kiện này cho tôi một định nghĩa phân biệt Đạo và Tôn giáo bởi như thế Đạo là chiều sâu của Vũ trụ mà Tôn giáo là mức đo chiều sâu ấy vậy⁷. Do đó, Đạo là nguyên lý mẫu nhiệm uyên nguyên tạo cơ tiến hóa của Vũ trụ từ xưa nay bằng bạc khắp nơi, trong khi Tôn giáo chỉ là một mức đo chiều sâu ấy tức là một phần của lẽ mẫu nhiệm kia tùy theo mức độ thu nhập của Tôn giáo ấy chứ không phải là tổng thể.

Và cũng trên quan điểm này, Đạo đã hiện diện tiềm năng cùng khắp để khai hóa cuộc sống Vũ trụ nói chung và nhân loại nói riêng, nên không cuộc tấn hóa nào của loài người mà không có Đạo chi phối. Cho nên, mọi lĩnh vực văn hóa nhân bản từ tôn giáo, khoa học, văn chương, nghệ thuật, không đâu là không tuân theo một khuôn phép đạo lý đã có từ buổi khai nguyên bắt đầu từ ba giác thức sinh hoạt, bảo tồn và tiến bộ⁸ từ bao giờ đến bao giờ cũng chỉ thế, điển hình như cái xe ta đi hằng ngày, cũng phải có cái động cơ (sinh hoạt), bộ vận tốc (tiến bộ) và bộ thắng (bảo tồn)...

Chính Đề: Cho nên Đạo học là một vấn đề uyên thâm của phần thực nghiệm tâm linh nơi con người, không phải còn bồng bềnh trong tư tưởng giới như ta đã đề cập trong các chương trước. Và như thế, Đạo gia là những nhà thấu triệt phần thực nghiệm ấy? Thiết tưởng vấn đề này rất khó diễn đạt về phần ngoại giáo khi mức độ tâm linh không được tinh luyện như phần nội giáo mà còn bị gò bó theo một chiều hướng nào. Tuy nhiên, khi con người đã đạt được mức độ tâm linh cao rồi thì mọi sự bình luận phê phán cũng không đặt thành vấn đề. Dù sao, ta cũng đi thử một vòng tìm hiểu các Đạo gia đã còn để lại được gì cho chúng ta ngày nay trên bước lẫm lẫm du mù mịt này mà cục diện nhân loại đang như một bể rộng đầy phong ba bão tố, mạnh ai nấy thủ thế cho riêng mình.

⁷ Bản Thể Luận, Đồng Tân, 1998.

⁸ Lý Thuyết Tổng Hợp, Đồng Tân, 1971

NHỨT KỲ PHỔ ĐỘ: công cuộc khai hóa đang trong thời kỳ phôi thai, yếu tố Thiên đang chủ trì mọi sinh hoạt nhân loại trong Thần quyền, nên thời kỳ này Đạo gia chưa xuất hiện trước quần chúng mà đang lẫn lộn trong nhân gian như một hiện tượng thiên nhiên đầy uy lực Thần quyền mới khuất phục được một tập thể còn man khai nhưng đầy mãnh lực mà loài người với mức tín ngưỡng vào Thần quyền đơn thuần đã tự biến đổi thành đức tin vào thiên nhiên, từ đó, cuộc sống của họ đi từ bộ lạc đến quốc gia mà lãnh thổ tư phương là môi trường sinh hoạt chung đầy gian nan và thử thách nhưng cũng đầy nhiệt huyết trăm hùng để họ hành diện với cuộc sống đang lên của họ.

NHỊ KỲ PHỔ ĐỘ: cho đến thời Nhị Kỳ Phổ Độ thì yếu tố Nhân đã khai sáng những nhà Đạo học mà cuộc sống trầm mặc ban đầu đã được tỏa sáng về sau do những khám phá tâm linh riêng, chung vào những thành quả nhân sự từ nguồn khai hóa Thần quyền ở Nhứt Kỳ Phổ Độ mà ra. Cho nên, sự tiếp nối giữa hai thời kỳ này rất rõ rệt như đã đề cập ở chương trước mặc dù không khỏi có những thế chủ quan giành ưu tiên phát hiện cho riêng mình. Các Giáo chủ ở thời kỳ này phải nói là những Đạo gia chính hiệu khi họ đưa ra một đường hướng - dù chỉ là cái tay như Phật gia - để làm nấc thang cho môn đồ bước theo mình đi về một cảnh giới nào thì cũng chỉ để cho môn đồ họ khỏi thất vọng dù cảnh giới ấy có thật hay không và như thế nào. Chẳng thế mà mỗi tôn giáo vẽ cho mình một kiểu cảnh giới khác nhau bên kia thế giới như Phật gia thì bảo cảnh Nát bàn là nơi hằng hà sa số Phật ở có xích châu, lưu ly, mã não, giàu sang phú quý không đâu bằng; còn Cơ Đốc gia thì bảo trên Thiên đàng có đủ các Thánh Pierre, Jean, Mathieu, Luck... mà các con chiên có tên Thánh sẽ về hội tụ nơi đó có đủ quyền phép thiêng liêng, trong khi đó thì Hồi gia sẽ đem môn đồ về cùng Đấng Allah là vị Chúa cao nhất của họ và sẽ hưởng đủ mọi khoái lạc trên đó không thiếu loại nào kể cả nhiều vợ (?)... Động cơ chính của sự trở về này là sự tưng niệm và sẽ được sự cứu độ từ cõi trên...

Tuy nhiên, cái thế Đạo gia còn nguyên vẹn của các Giáo chủ đã không còn nơi hàng giáo phẩm bởi các ông đã khoác một lớp áo riêng màu mè lòe loẹt để tự phong cho nhau làm Phật Thánh mà đa số nhân loại có biết các ngài là ai đâu. Chẳng thế mà từ đạo Chúa nảy ra Tin Lành, Nhân Chứng, mạnh ai nấy hiểu Kinh Thánh theo một cách, thậm chí có khi lại còn đấu tranh sứt máu như ở Ái Nhĩ Lan, ở Liban, hoặc không cùng một Giáo chủ như ở Ấn Độ và Trung Đông, giữa Ấn giáo và Hồi giáo gây hấn nhau chỉ vì một ngôi đền hay một thổ địa. Như thế, biết đến bao giờ mới chấm dứt sự đấu tranh, kỳ thị tôn giáo trên thế giới khi mà ngày Tận thế của các Giáo chủ nêu ra đã cận kề? Mà nghĩ cho cùng thì những Giáo chủ tự các ngài có dạy họ như thế đâu, chung qui cũng chỉ tại các hàng giáo phẩm không còn giữ được đức tính vô tư thuần khiết mà một Đạo gia phải có đó thôi. Và lẽ cố nhiên, sứ mạng cứu nhân độ thế của các Giáo chủ đã bị các hàng giáo phẩm làm cho mất hiệu năng để các nơi tôn nghiêm đền chùa hoặc trở thành hoang vắng hoặc chỉ còn là những cơ sở kinh doanh đòi hỏi sự đóng góp thập phương cung ứng cho một tập thể hưởng thụ mà thực tế báo chương không thiếu những tiết mục động trời như đã bày ra nhan nhản đó đây không đâu là không thấy có, tất cả chỉ vì các huyền thoại kinh điển kia đã không đáp ứng cho nhu cầu tâm linh của họ buộc họ phải xa lánh đi thôi...

TAM KỲ PHỔ ĐỘ: như trên đã nói, sở dĩ có tôn giáo vì nó là phương thuốc cứu chữa bệnh đời nên nếu phương thuốc này mất hiệu lực thì cần phải có phương thuốc khác. Cũng như con bệnh đang rên rỉ thì nếu vị lương y này bất lực thì cũng phải có vị lương y khác có khả năng hơn chứ không thể để tình trạng đau ốm kéo dài. Trường hợp đi tìm thuốc tiên không phải là vô vọng cũng nằm trong nghĩa đó mà thôi.

Cục diện thế giới ngày nay thật không khác một căn bệnh nan y mà vị lương y là tôn giáo vốn có thành tích cứu vãn từ xưa đã không còn hiệu năng nữa thì lẽ cố nhiên một tôn giáo khác phải ra đời để nối tiếp công trình cứu vãn kia, cho dù bất kỳ một tôn giáo nào đã có trước mà

muốn ra tay cứu độ loài người hiện nay cũng không thể được. Lý do rất đơn giản là tính chủ quan độc đoán không tôn giáo nào không có và chuyện một tôn giáo nào tự hạ mình để liên kết dung hòa với các tôn giáo khác cũng không bao giờ có xảy ra mà có xảy ra cũng không tạo được sự dung hòa tốt đẹp bởi khó mà họ chịu bỏ thế trịch thượng cao ngạo của mình, cho dù có từ bi như đức Phật thì các môn đệ cũng không chịu thua ai khi trò quyền lợi cũng như chính trị phạm tục lôi cuốn tất cả vào thời Hạ nguon mặt pháp này.

Điều tệ hại của tôn giáo là nạn cuồng tín cực đoan. Các trận giặc trăm năm ở Âu châu thời Trung Cổ cũng như vụ án Galiléo năm 1633 tại Ý là một chứng tích cuồng tín do hàng giáo phẩm Vatican mà ra chứ không do Chúa dạy; cũng như những nạn kỳ thị cực đoan Hồi giáo ngày nay là do tham vọng bá chủ sắc mùi chính trị xâm lược không phải do Đấng Allah hay đức Mahomet. Cũng như sự xô sát giữa hai phe Cơ Đốc và Tin Lành ở Ái Nhĩ Lan đã là một tranh chấp sát máu hàng thế kỷ mà các tay lãnh tụ liên hệ đánh bó tay khi bên nào cũng tính chuyện theo Chúa... Tất cả chỉ tại tánh phạm phu của con người còn nặng nề trong bộ áo mũ màu mè kia mà làm ra nông nổi chẳng khác gì một căn bệnh trầm kha mà thế giới đánh bắt lượm.

Trước tình thế đó, Đấng Thượng Đế Toàn Tri Toàn Năng không thể làm ngơ cho đám sanh linh cam đồ thán và khi con người đã tự cứu mình bất kham thì Ngài phải ra tay tế độ. Và thời Tam Kỳ Phổ Độ còn gọi là Đại Ân Xá Kỳ Ba này là thời kỳ chốt trong công trình cứu nhân độ thế của Ngài nên tất cả mọi sinh hoạt con người phải được cải thiện để trở về nguồn cội buổi khai nguyên. Do đó mà một tín ngưỡng bao quát dung hòa mọi tư tưởng Đông Tây Kim Cổ phải được truy hoàn để làm tươi lại bộ mặt địa cầu khi đã già nua qua thời gian dài cằn cỗi vì nhân tình thế thái đạo lý suy vi.

Dưới khía cạnh đạo học, cứ nhìn vào hai phần tu học của Cao Đài giáo, ta sẽ thấy rõ điểm tâm kỳ của nó:

- Phần Vô Vi nhi vô bất vi với các nguyên nhân thiện căn thì kính cẩn im lìm tu học trường trai thủ giới tuyệt dục, tự nuôi thân, tứ thời công phu luyện đạo, đến khi liễu đạo với ân chứng mở Thiên Nhân được đặt ngồi trong Liên đài đem ra nghĩa trang không dùng một câu kinh tiếng kệ như các cựu giáo cho đến 100 ngày sau được Vô hình cho về cơ với Tiên vị nơi cõi Vĩnh Hằng. Như vậy dưới mắt nhà đạo học thì đó chẳng phải là thành đạo một cách tân kỳ sao?
- Trong khi đó thì phần Phổ Độ với sự hướng dẫn công trình tu học cho cả chúng sanh hữu phước thì lối kiến tạo Tam Đài: Bát Quái Đài, Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài đã thể hiện nguyên lý đạo học TAM VI NHỨT THỂ một cách tân kỳ:
 - Bát Quái Đài là phần THỂ
 - Cửu Trùng Đài là phần TƯỢNG
 - Hiệp Thiên Đài là phần DỤNG (và vì tính tân kỳ này, Hiệp Thiên Đài được Đức Cao Đài dạy rõ: "Hễ Đạo còn thì Hiệp Thiên Đài còn")

Và lẽ dĩ nhiên, nền tảng của nền tôn giáo mới phải được xây dựng trên một xứ sở mà lịch sử và địa lý phải toát ra một thể quân bình có tính dung hòa cố hữu để làm những viên gạch đầu tiên. Do đó, một căn bản Đạo gia đủ khả năng lãnh hội phần màu nhiệm của Vũ trụ ngàn xưa mới hoàn thành được sứ mạng mà Đấng Thượng Đế tá danh Cao Đài nhận mình vừa là Cha vừa là Thầy đến khai hóa cho nhân loại bắt đầu từ mảnh đất nhỏ nhoi của con Rồng cháu Tiên Việt Nam này. Tính đạo học thích nghi cho trình độ văn minh tân tiến buổi Hạ nguon này để cảnh tỉnh thành kiến huyền thoại dị đoan mê tín - mà không cựu giáo nào không sử dụng nơi điện thờ với các cốt tượng như Phật Chúa làm mất vẻ tôn nghiêm của các đấng Vô hình - nên nơi điện thờ Cao Đài giáo chỉ dùng Quả Thiên cầu trên đó có hình Vũ trụ gồm 3072 ngôi sao mà Thánh Tượng Thiên Nhân hiện diện ngay nơi chòm sao Bắc Đẩu như đã đề cập nơi nhà khoa học chứ không thờ bất cứ một cốt tượng nào.

Kết Đề: Đến đây, soạn giả liền nghĩ đến hai thái độ ngược chiều:

1- Có thể hàng giáo phẩm các tôn giáo sẽ cùng nhau phản đối vì cho rằng đã hạ uy tín cứu đời của họ đang có hàng trăm triệu tín hữu khắp nơi đã được cứu rồi vì chịu phép thiêng của Giáo chủ họ. Còn quần chúng ngoại đạo thì vì không nghe theo họ nên không làm gì khác hơn.

2- Số người không có tôn giáo thì không tin vào sự cứu độ nào hết bởi họ quan niệm những gì các tôn giáo nêu ra đều chỉ có lợi cho hàng giáo phẩm tôn giáo ấy thôi chứ không có Đấng Thượng Đế nào, cũng không có phương pháp cứu thế nào khi mà con người với nhu cầu cho thể xác thỏa mãn là đủ.

Cả hai luận điệu trên đây đều mang tính chủ quan tự kỷ cho mình. Cho nên, nếu có nói nữa thì hậu quả cũng chỉ đến cho mỗi người tùy theo công việc lành dữ họ đã tạo ra trên thế gian. Thượng Đế hay các Giáo chủ cũng không thay đổi cuộc sống ở kiếp sau của họ được nếu tự con người không chịu biết luật nhân quả đã có từ ngàn xưa. Còn Thượng Đế có hay không thì họ cũng sẽ biết sau khi họ chết đi, cái linh hồn của họ sẽ cho họ biết. Nhưng rất tiếc, lúc ấy họ có ăn năn cũng đã muộn rồi!

Phải chăng làm cho con người tự giác để tự cứu lấy mình mà không phải ăn năn như vừa nói là sứ mạng của những Đạo gia chân chính trên toàn thế giới không phân biệt địa phương lãnh thổ nào. Vậy các bạn cứ tìm đến những tâm tư cần đổi mới để thay vào những thành kiến xưa cũ khi mà những nhân vật này đang hiện diện trước cặp mắt ưu tư của bạn đó?!